

BAN CHỈ ĐẠO CÁC CHƯƠNG
TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
TỈNH LẠNG SƠN
VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /HD-VPĐP

Lạng Sơn, ngày tháng năm 2023

HƯỚNG DẪN

**Thực hiện Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu,
Thôn nông thôn mới kiểu mẫu và Quy trình công nhận Khu dân cư
nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu
trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2023 - 2025**

Căn cứ Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn Ban hành Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu và tiêu chí Thôn thông minh trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2023-2025.

Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh, **phối hợp với các Sở ngành phụ trách các tiêu chí**, hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu và quy trình công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2023-2025. Cụ thể như sau:

I. Một số vấn đề chung:

1. Đối tượng áp dụng

- Là các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định tiếp tục triển khai xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Hướng dẫn này áp dụng đối với các xã, các thôn, các khu dân cư trên địa bàn tỉnh, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, có liên quan tham gia thực hiện xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

2. Nguyên tắc thực hiện:

- Việc chỉ đạo, thực hiện xây dựng và xét, công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu phải được thực hiện thường xuyên, liên tục hàng năm, đảm bảo đúng điều kiện, trình tự, thủ tục; phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Tiêu chuẩn lựa chọn địa điểm để xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Lựa chọn Khu dân cư tiêu biểu có dân cư sinh sống tập trung (**khoảng từ 20 hộ trở lên**), Thôn tiêu biểu có dân cư sinh sống tập trung (khoảng từ 70% số hộ của thôn trở lên) có mức độ đạt chuẩn các tiêu chí về hạ tầng ở mức cao; có các tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo, thu nhập bình quân đầu người/năm, tỷ lệ lao động

qua đào tạo, tỷ lệ trẻ đến lớp đúng độ tuổi, tỷ lệ hộ dân tham gia bảo hiểm y tế, ... phải cao hơn mức đạt chuẩn của Bộ tiêu chí.

- Đội ngũ cán bộ thôn và người dân trong thôn, trong khu dân cư nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm tích cực, chủ động, đồng tình hưởng ứng. Có ít nhất 80% số hộ đồng tình, tự nguyện, cam kết tham gia xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Các hộ gia đình trong khu dân cư, trong thôn phải gương mẫu nâng cao ý thức xây dựng đời sống văn hóa, đoàn kết, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, thuần phong mỹ tục trong cộng đồng dân cư; các hộ gia đình sống hòa thuận, đoàn kết, thân thiện.

- Người dân chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy ước, hương ước thôn, bản; chủ động, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng của thôn và khu dân cư.

4. Thẩm quyền xét công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu :

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Thành phố quyết định công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới **kiểu mẫu** đạt chuẩn.

II. Các bước xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

Bước 1: Khảo sát lựa chọn địa điểm: UBND xã xem xét, lựa chọn các khu dân cư, các thôn đáp ứng cơ bản các tiêu chuẩn để tiến hành xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu; UBND xã có văn bản đăng ký xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu gửi UBND huyện (*theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo*);

Bước 2: Sau khi đã lựa chọn được thôn hoặc khu dân cư để xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã phối hợp với Ban Phát triển thôn và các hộ gia đình tiến hành họp thôn và thông tin đầy đủ nội dung về xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu, những việc phải làm, trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi khi tham gia để người dân và cộng đồng dân cư đóng góp ý kiến và thông nhất lựa chọn các nội dung để thực hiện trong khu dân cư hoặc trong thôn (phương án chỉnh trang nhà cửa, quy hoạch vườn hộ từng gia đình, chỉnh trang hàng rào, đường làng, ngõ xóm, nhà văn hóa thôn, sân thể thao thôn và các nội dung khác cần thực hiện...)

Bước 3: Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã chủ trì phối hợp với thôn lập hồ sơ xây dựng phương án, dự toán (*Theo mẫu Tờ trình tại phụ lục số 02 kèm theo hướng dẫn*) trình UBND cấp huyện (Qua Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới huyện); UBND huyện giao cho các phòng chức năng thẩm định hồ sơ **theo lĩnh vực phụ trách** và phê duyệt dự toán, phương án theo quy định. (hồ sơ kèm theo cả danh sách các hộ đăng ký tham gia có ký tên).

Bước 4: UBND cấp huyện giao Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã làm chủ đầu tư; nếu đơn vị cấp xã không có khả năng, kinh nghiệm chỉ đạo xây

dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu có thể giao cho Văn phòng Điều phối hoặc các đoàn thể cấp huyện làm chủ đầu tư (UBND xã có trách nhiệm phối hợp thực hiện).

III. Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2023 – 2025.

1. Ý nghĩa Bộ tiêu chí:

Xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu nhằm tạo ra bộ mặt nông thôn tại các thôn, các khu dân cư có cảnh quan đường làng ngõ xóm sáng, xanh, sạch đẹp, công tác vệ sinh môi trường đảm bảo, hạ tầng thiết yếu được sử dụng, cải tạo, nâng cấp đúng quy trình; Nhà ở, vườn hộ, chuồng trại được quy hoạch, chỉnh trang, gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ, sắp xếp hợp lý, đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao, mô hình phát triển sản xuất và các hình thức tổ chức sản xuất hiệu quả rõ nét; trình độ dân trí ngày càng cao, văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy, chất lượng gia đình văn hóa, thôn văn hóa được nâng lên, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức thường xuyên hơn; quy chế dân chủ cơ sở được phát huy, quốc phòng, an ninh trật tự nông thôn được bảo đảm; hệ thống chính trị cơ sở được củng cố, tăng cường. Đồng thời, tăng cường ứng dụng chuyển đổi số nhằm thu hẹp khoảng cách về thông tin giữa các thôn, xã trên địa bàn tỉnh, giúp người dân nắm bắt thông tin nhanh chóng, kịp thời, nâng cao chất lượng cuộc sống và năng lực sản xuất, góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Đây là nội dung quan trọng trong việc giúp duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí tại các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, hướng tới xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu.

2. Nội dung Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu

Thực hiện theo Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn Ban hành Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu và tiêu chí Thôn thông minh trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2023-2025. (Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu tại Phụ lục 1 gồm 9 tiêu chí và 25 chỉ tiêu; Bộ tiêu chí Thôn nông thôn mới kiểu mẫu tại Phụ lục 2 gồm 9 tiêu chí và 26 chỉ tiêu)

IV. Phương pháp xác định các chỉ tiêu của từng tiêu chí đạt chuẩn trong Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu

1. Tiêu chí số 01: Quy hoạch

Khu dân cư đạt tiêu chí Quy hoạch khi có sơ đồ chỉ dẫn khu dân cư kiểu mẫu.

Sơ đồ chỉ dẫn khu dân cư kiểu mẫu: Thể hiện được cơ bản hiện trạng, đặc điểm và cơ sở hạ tầng của khu dân cư. Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của từng khu dân cư mà UBND xã lựa chọn vị trí lắp đặt, thiết kế kích thước, tỷ lệ vẽ sơ đồ,... cho phù hợp và đảm bảo mỹ quan, không gây ảnh hưởng tới giao thông, đường dây điện hoặc nhà dân xung quanh.

2. Tiêu chí số 02: Nhà ở và vườn hộ gia đình

Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đạt tiêu chí Nhà ở và vườn hộ gia đình khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

2.1. Nhà ở và công trình phụ trợ

a) Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố $\geq 95\%$.

Nhà ở nông thôn đạt chuẩn phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Nhà ở phải đảm bảo “3 cứng” (nền cứng, khung cứng, mái cứng). Các bộ phận nền, khung, mái của căn nhà phải được làm từ các loại vật liệu có chất lượng tốt, không làm từ các loại vật liệu tạm, mau hỏng, dễ cháy. Cụ thể:

+ “Nền cứng” là nền, móng nhà làm bằng các loại vật liệu có tác dụng làm tăng độ cứng của nền như: vữa xi măng - cát, bê tông cốt thép, gạch, đá.

+ “Khung cứng” bao gồm hệ thống khung, cột, tường kể cả móng đỡ. Khung, cột được làm từ các loại vật liệu: bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc; tường xây gạch/đá hoặc làm từ gỗ bền chắc.

+ “Mái cứng” gồm hệ thống đỡ mái và mái lợp. Tùy điều kiện cụ thể, hệ thống đỡ mái có thể làm từ các loại vật liệu: bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc. Mái làm bằng bê tông cốt thép, lợp ngói hoặc lợp bằng các loại tấm lợp có chất lượng tốt như tôn lợp giả ngói, tôn lạnh, tôn cách nhiệt, tôn cán sóng,...

- Diện tích ở tối thiểu đạt $10\text{m}^2/\text{người}$ trở lên. Diện tích tối thiểu một căn nhà từ 30m^2 trở lên. Đối với hộ đơn thân, diện tích tối thiểu một căn nhà từ 18m^2 trở lên.

- Niên hạn sử dụng công trình nhà ở từ 20 năm trở lên; Đối với nhà ở đã, đang thực hiện hỗ trợ theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì niên hạn sử dụng lấy theo quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đó.

- Các công trình phụ trợ (bếp, nhà tiêu, chuồng trại chăn nuôi...) phải được bố trí đảm bảo vệ sinh, thuận tiện cho sinh hoạt, thu gom các loại chất thải (nước thải và chất thải rắn); Kiến trúc, mẫu nhà ở phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống của từng dân tộc, vùng miền.

b) Đồ đạc, vật dụng trong nhà được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và vệ sinh sạch sẽ:

- Phòng ngủ được bố trí gọn gàng, vệ sinh sạch sẽ, hằng ngày chăn màn phải được gấp gọn gàng, quần áo được gấp hoặc treo gọn gàng phù hợp mỹ quan.

- Khu vực thờ cúng được bài trí, sắp đặt phù hợp theo gia đình nhưng gọn gàng sạch sẽ.

- Bàn ghế, ấm chén uống nước thường xuyên được lau chùi, cọ rửa sạch sẽ hợp vệ sinh và gọn gàng, ngăn nắp.

- Các đồ dùng, dụng cụ lao động phải được vệ sinh sạch sẽ và quy định chỗ để gọn gàng và tiện lợi cho quá trình sử dụng.

c) Số hộ có công trình phụ trợ nhà tắm, bể nước, nhà tiêu, nhà bếp ... được bố trí, ngăn nắp, vệ sinh sạch sẽ; Cổng, ngõ, sân nhà, hàng rào các hộ gia đình được chỉnh trang bảo đảm mỹ quan và phù hợp với phong tục tập quán của địa phương (Có trồng hàng rào cây xanh hoặc trồng hoa, cây cảnh,... ở những khu vực phù hợp) đạt $\geq 95\%$.

- Nhà tắm hợp vệ sinh: Tùy theo điều kiện thực tế của từng hộ gia đình có thể thiết kế nhà tắm bằng những vật liệu sẵn có tại địa phương đảm bảo sạch sẽ, hợp vệ sinh (có mái che, có tường kín, thông thoáng, nước thải phải được xử lý và xả nước thải đúng nơi quy định).

- Bể chứa nước hợp vệ sinh cần đảm bảo các điều kiện sau:

+ Bể chứa phải có dung tích đủ lớn để đáp ứng nhu cầu sử dụng.

+ Sử dụng vật liệu làm bể chứa/dụng cụ chứa không có thành phần độc hại làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người sử dụng và phù hợp với đặc điểm của từng vùng miền, khuyến khích sử dụng bể chứa nước được xây bằng gạch hoặc bê tông; lu, sành, khạp, chum, vại; dụng cụ trữ nước sinh hoạt bằng inox, nhựa.

+ Bể, dụng cụ trữ nước sinh hoạt phải có nắp đậy kín để ngăn ngừa các chất bẩn khác xâm nhập hoặc muỗi vào đẻ trứng; đối với lu, bể lớn cần có van lấy nước, van xả cặn và van xả tràn.

+ Vệ sinh bể trữ, lu vại trước khi chứa nước và định kỳ 3 tháng 1 lần; nếu dụng cụ chứa nước bị nhiễm bẩn, cần tháo rửa ngay sau khi nước rút bằng Cloramin B, hoặc clorua vôi.

- Nhà tiêu hợp vệ sinh phải đảm bảo quy định về kỹ thuật theo QCVN 01:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - Điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh) với các nội dung chính sau:

+ Được xây dựng khép kín; chất thải nhà vệ sinh không thải trực tiếp ra môi trường; không tạo môi trường cho ruồi, muỗi và các côn trùng khác sinh nở; không gây mùi hôi, khó chịu.

+ Có biện pháp cô lập được phân người, làm cho phân tươi hoặc chưa an toàn không thể tiếp xúc với người và động vật, tiêu diệt được các tác nhân gây bệnh có trong phân (virut, vi khuẩn).

- Vệ sinh trong từng hộ đảm bảo 03 sạch:

+ Sạch nhà: giữ gìn nhà cửa luôn sạch sẽ, sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp; Có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh; Sử dụng nước hợp vệ sinh và có nước sạch trong sinh hoạt; Có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường

+ Sạch bếp: Giữ gìn nơi đun nấu, nồi, xoong, bát, đĩa, dụng cụ, đồ đựng thức ăn luôn sạch sẽ, gọn gàng, hợp vệ sinh.

Đảm bảo an toàn thực phẩm: Không sử dụng chất cấm, hóa chất kích thích tăng trưởng trong trồng trọt và chăn nuôi. Sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu trong trồng trọt theo đúng quy chuẩn. Thu dọn chai, lọ vỏ bao đựng phân bón và thuốc trừ sâu sau khi sử dụng, đem tiêu hủy tại nơi quy định. Trồng trọt và thu hoạch rau, củ, quả đảm bảo an toàn.

Đảm bảo vệ sinh thực phẩm: Có chạn, tủ bếp để cất giữ thức ăn. Sử dụng thực phẩm bảo đảm dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm. rửa tay bằng xà phòng trước và sau khi chế biến, sử dụng thức ăn.

+ Sạch ngõ: Giữ sân, ngõ của gia đình và khu vực đường làng, ngõ xóm xung quanh nơi ở của gia đình sạch sẽ, không để nước đọng, rác thải bừa bãi làm ảnh hưởng đến mỹ quan và sức khỏe của con người; Có thùng chứa rác thải và thực hiện phân loại rác thải theo hướng dẫn; Tham gia xây dựng cảnh quan, môi trường chung của cộng đồng xanh – sạch – đẹp.

d) Tỷ lệ hộ có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định đạt 100%.

Các hộ gia đình trong Khu dân cư xây dựng công trình chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh không gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo các điều kiện sau:

- Nằm cách biệt với nhà ở, nguồn nước, cụ thể: Phải cách nhà ở và đường đi chung ít nhất 5m; cuối hướng gió và phải có hố chứa phân, rác, thoát nước thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Được vệ sinh định kỳ bảo đảm phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh.

- Không phát sinh mùi hôi thối khó chịu gây ảnh hưởng đến dân cư xung quanh.

- Chất thải chăn nuôi phải được thu gom và xử lý; không để chất thải chăn nuôi chưa xử lý xả, chảy tràn ra khu vực xung quanh.

2.2. Vườn hộ gia đình

Vườn hộ gia đình được chỉnh trang, cải tạo hợp lý, tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp lựa chọn các loại cây trồng phù hợp phục vụ sinh hoạt hoặc các loại cây trồng có giá trị kinh tế nâng cao thu nhập; phải được chăm sóc thường xuyên, không để cây cỏ dại mọc trong vườn, khuyến khích có ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất; khuyến khích bố trí hệ thống tưới, tiêu nước cho vườn; nếu vườn có diện tích rộng, khuyến khích bố trí lối đi trong vườn, đảm bảo sạch sẽ tạo không gian, cảnh quan đẹp cho vườn.

3. Tiêu chí số 03: Đường giao thông.

Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đạt tiêu chí Đường giao thông khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

3.1. Đường giao thông trong khu dân cư được cứng hóa và duy tu, bảo dưỡng hằng năm; đường trục thôn có biển chỉ dẫn, có hệ thống cảnh báo an toàn giao thông theo quy định.

- Đường trục thôn, ngõ xóm trong khu dân cư có quy mô tối thiểu đường phải đạt từ cấp C trở lên, cụ thể:

+ Bề rộng nền đường 3,0m;

+ Bề rộng mặt đường 2,0m;

+ Chiều dày mặt đường tối thiểu 14 cm.

+ Bảo đảm thoát nước, không đọng nước gây ô nhiễm.

+ Đối với đường trục thôn có bề rộng mặt đường từ 2-3m; có bố trí điểm tránh xe hợp lý để đảm bảo an toàn và giao thông.

- Đường được cứng hóa và duy tu, bảo dưỡng hàng năm theo quy định đạt 100%. Việc duy tu, bảo dưỡng đường thôn, xóm có thể đưa vào hương ước, quy ước của thôn, xóm để nhân dân định kỳ thực hiện hoặc giao cho các tổ chức đoàn thể, nhóm hộ trong thôn thực hiện.

- Đường trục thôn có biển chỉ dẫn, có hệ thống cảnh báo an toàn giao thông theo quy định đạt $\geq 70\%$: Bố trí các biển báo nguy hiểm, biển báo cấm trên các tuyến đường giao thông nông thôn tham khảo QCVN 41:2019/BGTVT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ” (Chi tiết xem phụ lục C kèm theo Hướng dẫn số 3073/HD-SGTVT ngày 06/10/2022 của Sở Giao thông vận tải về việc thực hiện đánh giá tiêu chí giao thông (tiêu chí 2) trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2022 - 2025 tỉnh Lạng Sơn).

3.2. Các tuyến đường giao thông chính trong khu dân cư có điện chiếu sáng: Các tuyến đường trục thôn, ngõ xóm chính trong khu dân cư có hệ thống điện chiếu sáng được chiếu sáng vào ban đêm; đảm bảo an toàn và mỹ quan, phù hợp đạt 100% (khuyến khích lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tự động).

3.3. Đường giao thông trong khu dân cư (ở những nơi có đủ điều kiện xây dựng) được xanh hóa bằng các hình thức phù hợp, đảm bảo mỹ quan như: trồng hàng rào cây xanh, trồng hoa, cây cảnh hoặc trồng cây leo bám phủ xanh hàng rào cứng, trồng cây bóng mát bên đường,...

Đường trục thôn, ngõ xóm trong khu dân cư (ở những nơi có đủ điều kiện xây dựng) được xanh hóa bằng các hình thức phù hợp như: Trồng hàng rào cây xanh, trồng hoa, cây cảnh hoặc trồng cây leo bám phủ xanh hàng rào cứng, trồng cây bóng mát bên đường,... đạt 70% . Có thể trồng các loại cây như: Cây chuối ngọc, Cây ắc ó; Cây dâm bụt; Cây duối; Cây cúc tần; Cây ngâu; Cây nguyệt quế; Cây găng vàng; Cây chè xanh; Cây trúc nhật; Cây Trạng nguyên, Cây ngũ gia bì... Ưu tiên chọn những loài cây bản địa tán đẹp, ít gây đổ, ít sâu bệnh, rễ phát triển. Các tiêu chuẩn cần lựa chọn linh hoạt phù hợp với từng khu dân cư và thường xuyên chăm sóc, cắt tỉa gọn gàng; Đối với những hàng rào cứng sẵn có, có thể trồng các loại cây leo bám, phủ xanh hàng rào. Khuyến khích trồng thêm các loại cây xanh, cây hoa tạo không gian xanh, bóng mát trong khu dân cư như cây ngũ gia bì, hoa giấy...

Tuyến đường trục chính trong khu dân cư khuyến khích bố trí các Pa nô, khẩu hiệu tuyên truyền về các chủ trương chính sách của đảng và nhà nước; bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới...

3.4. Có tổ tự quản hoạt động hiệu quả, thường xuyên quản lý, duy tu, bảo dưỡng đường theo quy định. Các đoạn đường được đăng ký và thực hiện “Đoạn đường sáng – xanh - sạch - đẹp”.

Các tuyến đường trục chính của khu dân cư được giao cho các tổ chức đoàn thể và các hộ gia đình đảm nhận tự quản để duy trì thực hiện duy tu, sửa

chữa, khơi thông cống, rãnh thoát nước, phát quang đảm bảo tầm nhìn giúp đường luôn sạch sẽ, thông thoáng đạt 100%.

Lưu ý: Đánh giá cụ thể về quy mô đường giao thông nông thôn: Đối với đoạn đường đang sử dụng nơi nào mặt đường hẹp không thể mở rộng được theo quy định thì có thể cải tạo tận dụng diện tích 2 bên để mở rộng mặt đường tối đa và đảm bảo các điều kiện trên thì coi là đạt chỉ tiêu và tiêu chí.

4. Tiêu chí số 04: Nhà văn hóa và khu thể thao thôn

Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đạt tiêu chí Nhà văn hóa và khu thể thao thôn khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

4.1. Nhà văn hoá thôn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao:

Yêu cầu phải đạt: Đạt chuẩn theo quy định tiêu chí nông thôn mới của tỉnh. Được sửa chữa, nâng cấp, cải tạo, xây mới đảm bảo về diện tích, chỗ ngồi, trang thiết bị hoạt động đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa- văn nghệ của cộng đồng dân cư.

a) Thiết bị và vật dụng được sắp xếp gọn gàng, vệ sinh sạch sẽ; Khuôn viên nhà văn hóa đảm bảo xanh, sạch, đẹp, có trồng cây xanh bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh (ở những nơi có đủ điều kiện) trong khuôn viên nhà văn hóa.

- Thường xuyên vệ sinh, quét dọn các dụng cụ và đồ dùng trong nhà văn hóa thôn. Các khung Bông khen, Giấy khen, Áp phích tuyên truyền ... nếu có cần được bố trí thẳng hàng, sắp xếp gọn gàng, đẹp mắt (Nếu có treo Cờ Tổ quốc thì cần lưu ý không treo các lá cờ đã phai màu, rách, thủng).

- Khuôn viên nhà văn hóa đảm bảo xanh sạch đẹp; có trồng cây xanh bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh trong khuôn viên nhà văn hóa. Thường xuyên chăm sóc, cắt tỉa gọn gàng đẹp mắt. Thường xuyên quét dọn, vệ sinh trong và ngoài nhà văn hóa thôn, đảm bảo sạch sẽ.

b) Có ít nhất một đội hoặc một câu lạc bộ văn hóa - văn nghệ hoạt động thường xuyên, có hiệu quả, thu hút tối thiểu 60% trở lên/tổng số dân tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ; hoạt động văn hóa vui chơi, giải trí phục vụ trẻ em đạt 30% thời gian.

4.2. Khu thể thao thôn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: thôn có diện tích sân thể thao từ 200m² trở lên; Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

a) Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.

Dụng cụ thể thao ngoài trời bao gồm: xà đơn; xà kép; xà lệch; xe đạp tập ngoài trời; thiết bị tập vai; máy tập lưng eo; máy tập đi bộ lắc tay; máy tập đi bộ trên không,...

Các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên, đảm bảo thời gian hoạt động tối thiểu từ 25% trở lên.

b) Có mô hình hoạt động thể thao quần chúng phù hợp (tổ, đội, câu lạc bộ...) thu hút từ 60% trở lên người dân tham gia như: bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, bóng chuyền hơi, nhảy dân vũ,...

5. Tiêu chí số 05: Thông tin và Truyền thông

Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đạt tiêu chí Thông tin và Truyền thông khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

5.1. Khu dân cư được nghe thông tin từ hệ thống loa hoạt động thường xuyên.

Khu dân cư có ít nhất 01 cụm loa hoạt động và ít nhất có 80% số hộ dân trong khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu được nghe thông tin từ hệ thống đài truyền thanh do UBND xã quản lý, vận hành. Trong đó, thông tin bao gồm:

+ Thông tin tiếp sóng của Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.

+ Thông tin được phát theo chương trình, nội dung tin tức do xã tự sản xuất trên đài truyền thanh của xã. Số lượng, thời lượng và nội dung thực hiện: ít nhất 03 tin/tuần. Nội dung tin, bài phong phú gồm cả chính trị, thời sự, tuyên truyền chủ trương, chính sách, các hoạt động của xã...

5.2. Dân số thường trú trên địa bàn (có độ tuổi từ 15 tuổi trở lên) có smartphone được cài đặt và sử dụng nền tảng Công dân số Xứ Lạng đạt 80%.

Yêu cầu có danh sách người dân thường trú trên địa bàn (có độ tuổi từ 15 tuổi trở lên) có smartphone được cài đặt và sử dụng nền tảng Công dân số Xứ Lạng: Có xác nhận của Trưởng thôn (có thể phối hợp DN viễn thông để lập).

5.3. Khuyến khích có mạng wifi miễn phí tại nhà văn hóa thôn.

Khuyến khích có mạng wifi miễn phí tại khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu (không cài đặt mật khẩu), mạng wifi phải đáp ứng chất lượng dịch vụ, các điều kiện kỹ thuật khai thác và an toàn, an ninh thông tin theo quy định hiện hành.

6. Tiêu chí số 06: Phát triển sản xuất và giảm nghèo

Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đạt tiêu chí Phát triển sản xuất và giảm nghèo khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

6.1. Trong khu dân cư có ít nhất từ 02 mô hình sản xuất có hiệu quả trở lên (trồng trọt, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh dịch vụ,...) thu nhập từ 60- 80 triệu đồng/mô hình/năm.

6.2. Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2022 -2025 trong khu dân cư theo kết quả rà soát định kỳ hằng năm < 8%.

- Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 được xác định bằng tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 (trừ số hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều không có khả năng lao động).

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của khu dân cư được xác định bằng cách chia tổng số hộ nghèo đa chiều của khu dân cư (trừ số hộ nghèo đa chiều không có khả năng lao động) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận theo kết quả rà soát định kỳ hằng năm cho tổng số hộ dân trong khu dân cư (trừ số hộ nghèo đa chiều không có khả năng lao động) rồi nhân với 100.

- Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều của khu dân cư được xác định bằng cách chia tổng số hộ cận nghèo đa chiều của khu dân cư (trừ số hộ cận nghèo không có khả năng lao động) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyết định công nhận theo kết quả rà soát định kỳ hằng năm cho tổng số hộ dân trong khu dân cư (trừ số hộ cận nghèo đa chiều không có khả năng lao động) rồi nhân với 100.

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều không có khả năng lao động là hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều không có thành viên trong độ tuổi lao động hoặc có thành viên trong độ tuổi lao động nhưng mất khả năng lao động.

7. Tiêu chí số 07: Văn hóa, Giáo dục, Y tế

Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đạt tiêu chí Văn hóa, Giáo dục, Y tế khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

7.1. Văn hoá:

a) 100% hộ gia đình trong khu dân cư đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hoá.

b) 100% người dân được phổ biến và thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và các quy định của địa phương, hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

7.2. Giáo dục:

a) Tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo trong khu dân cư đạt $\geq 97\%$.

b) Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%, tỷ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đúng độ tuổi đạt 100%.

c) Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học các cấp bậc học (Trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên hoặc học trung cấp nghề trở lên) đạt từ 95% trở lên.

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên hoặc học trung cấp nghề trở lên được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số học sinh tiếp tục học trên tổng số học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở.

d) Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 75\%$.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo được xác định bằng cách chia số lao động qua đào tạo cho lực lượng lao động theo công thức sau đây:

$$\text{Tỷ lệ lao động qua đào tạo (\%)} = \frac{\text{Số lao động qua đào tạo}}{\text{Lực lượng lao động}} \times 100$$

Trong đó:

- Người lao động đã qua đào tạo là người từ đủ 15 tuổi trở lên có việc làm hoặc thất nghiệp trong thời kỳ tham chiếu và được đào tạo, có kỹ năng nghề như sau:

+ Người đã được đào tạo ở một trường hay một cơ sở đào tạo chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và đã tốt nghiệp, đã được cấp bằng/chứng chỉ chứng nhận đạt một trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ nhất định, gồm chứng chỉ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ sơ cấp, trung cấp nghề, cao đẳng nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng chuyên nghiệp, đại học và trên đại học (thạc sỹ, tiến sỹ, tiến sỹ khoa học).

Lưu ý: Đối với người được cấp nhiều văn bằng chứng chỉ ở các trình độ khác nhau thì chỉ được thống kê một văn bằng, chứng chỉ ở trình độ cao nhất.

+ Người chưa qua đào tạo tại trường lớp nhưng tự học, được truyền nghề hoặc vừa làm vừa học nên có kỹ năng, tay nghề tương đương với bậc 1 của công nhân kỹ thuật cùng nghề có bằng/chứng chỉ và đã làm công việc này từ 3 năm trở lên (hay còn gọi là công nhân kỹ thuật không bằng/chứng chỉ).

- Lực lượng lao động (hay còn gọi là dân số hoạt động kinh tế hiện tại) gồm những người từ đủ 15 tuổi trở lên có việc làm hoặc thất nghiệp trong thời kỳ tham chiếu (7 ngày trước thời điểm quan sát).

7.3. Y tế

a) Tỷ lệ người dân trong khu dân cư tham gia bảo hiểm y tế đạt $\geq 95\%$.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế là số người có thẻ BHYT tính trên 100 người dân của một khu vực trong một thời gian xác định.

+ Tử số: Tổng số người có thẻ BHYT của khu dân cư trong một thời gian xác định.

+ Mẫu số: Dân số của khu dân cư trong cùng thời kỳ.

+ Dạng số liệu: Tỷ lệ phần trăm.

- Bảo hiểm y tế bao gồm: Bảo hiểm y tế do nhà nước hỗ trợ, bảo hiểm y tế bắt buộc hoặc bảo hiểm y tế tự nguyện.

- Nguồn số liệu: Báo cáo định kỳ của Bảo hiểm xã hội huyện và Bảo hiểm xã hội tỉnh.

b) Tỷ lệ người dân trong khu dân cư có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 70\%$.

Sổ khám chữa bệnh điện tử là một cấu phần của Hồ sơ sức khỏe điện tử, đề ghi triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và kê đơn thuốc điều trị ngoại trú.

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ} \\ \% \text{ dân số có} \\ \text{sổ khám chữa} \\ \text{bệnh điện tử} \end{array} = \frac{\text{Dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử}}{\text{Dân số trung bình của khu vực trong năm báo cáo}} \times 100$$

Xây dựng và ban hành mẫu hồ sơ sức khỏe điện tử đảm bảo mỗi người dân đều có sổ sức khỏe điện tử:

- Đối với người dân sử dụng điện thoại thông minh: có APP Mobile chứa hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân với các tính năng như thông tin tiêm chủng, đặt hẹn khám bệnh, hồ sơ sức khỏe, tư vấn từ xa...

- Người dân đi khám bệnh không dùng sổ khám bệnh giấy mà dùng điện thoại có APP để ghi triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và kê đơn thuốc điều trị ngoại trú.

- Người dân cập nhật kết quả khám, chữa bệnh hàng ngày khi đi khám bệnh, chữa bệnh.

c) Tỷ lệ hộ dân trong khu dân cư có tủ (hoặc hộp) thuốc y tế gia đình $\geq 70\%$

Tỷ lệ hộ dân trong khu dân cư có tủ (hoặc hộp) thuốc y tế gia đình được tính bằng số hộ dân trong khu dân cư có tủ thuốc, hộp thuốc trên tổng số hộ dân trong khu dân cư rồi nhân với 100.

Tủ (hoặc hộp) thuốc y tế gia đình dùng để dự trữ một số loại thuốc và các dụng cụ y tế thông dụng, thiết yếu như: thuốc hạ sốt, thuốc đau đầu, thuốc cảm cúm, thuốc tiêu hóa, dầu gió, nước muối sinh lý, thuốc sát trùng, bông, băng gạc y tế, nhiệt kế,... nhằm giúp xử lý nhanh những tình huống nguy cấp, sơ cấp cứu ban đầu giảm thiểu những rủi ro không đáng có.

Tủ thuốc hoặc hộp thuốc y tế gia đình nên treo hoặc để trên cao, bảo quản ở nơi khô ráo, mát mẻ, tránh ánh nắng trực tiếp chiếu vào và ngoài tầm tay của trẻ. Dọn tủ thuốc mỗi tháng một lần để bỏ đi những sản phẩm quá hạn sử dụng cũng như bổ sung thuốc đã dùng hết. Nên phân loại các sản phẩm theo công dụng chữa trị để có thể dễ dàng tìm kiếm và sử dụng chúng khi cần.

8. Tiêu chí số 08: Môi trường và chất lượng môi trường sống.

Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đạt tiêu chí Môi trường và chất lượng môi trường sống khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

8.1. Đường làng ngõ xóm trong khu dân cư thường xuyên được phát dọn vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo yêu cầu sáng - xanh - sạch - đẹp; có quy ước vệ sinh môi trường của khu dân cư; có mô hình bảo vệ môi trường hoạt động có hiệu quả thu hút được sự tham gia của cộng đồng.

Ban hành quy ước riêng hoặc gắn quy ước bảo vệ môi trường vào trong các quy ước/hương ước chung của thôn, trong đó quy định thường xuyên định kỳ ít nhất 02 lần/01 tháng trở lên (mỗi tháng ít nhất 02 lần trở lên) tổ chức ra quân tổng vệ sinh thu gom, xử lý chất thải (chất thải rắn, nước thải), phát quang đường làng, ngõ xóm trong khu dân cư vận chuyển đến địa điểm xử lý phù hợp đảm bảo quy định về môi trường. Đồng thời, giao trách nhiệm cho các hộ gia đình gắn với xét công nhận gia đình văn hóa, trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở trong việc thực hiện hoàn thành hoặc không hoàn thành nhiệm vụ hàng năm, nhằm đảm bảo duy trì vệ sinh môi trường xanh-sạch-đẹp, thì được coi đây là mô hình bảo vệ môi trường hoạt động có hiệu quả thu hút được sự tham gia của cộng đồng.

8.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả $\geq 25\%$.

Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng các biện pháp, công trình phù hợp (%) = Tổng số hộ thực hiện thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp / Tổng số hộ trên địa bàn x 100%.

- Nước thải là nước đã bị thay đổi đặc điểm, tính chất được thải ra từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác .

- Nước thải sinh hoạt là nước thải ra từ các hoạt động sinh hoạt của con người như ăn uống, tắm giặt, vệ sinh cá nhân...

- BVMT đối với hộ gia đình :

+ Có công trình vệ sinh theo quy định. Trường hợp chưa có công trình, thiết bị xử lý nước thải, khi xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở riêng lẻ tại đô thị, khu dân cư tập trung, phải xây lắp công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về BVMT theo quy định.

- Biện pháp phù hợp bao gồm: Bể tự hoại, bể lọc kỵ khí có vách ngăn, bể tự hoại cải tiến có vách ngăn và ngăn lọc kỵ khí dùng hướng lên; hồ kỵ khí, hồ hiếu khí, hồ ổn định; bãi lọc trồng cây; bể phản ứng theo mẻ, các công nghệ khác .

- Phương pháp đánh giá: Thống kê số hộ gia đình thực hiện và chưa thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả.

- Hồ sơ minh chứng: Danh sách các hộ gia đình thực hiện và chưa thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả (bao gồm: tên, địa chỉ; khối lượng nước thải phát sinh tính theo ngày đêm; công trình/biện pháp xử lý đã triển khai.

8.3. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn $\geq 50\%$.

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn (%) = Số hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn / Tổng số hộ dân trên địa bàn x 100%.

- CTR sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân được phân loại theo nguyên tắc như sau: CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế; Chất thải thực phẩm; CTR sinh hoạt khác.

- Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn phát sinh CTR sinh hoạt sau khi phân loại thực hiện quản lý như sau:

+ Khuyến khích tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi.

+ CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt.

+ Chất thải thực phẩm không thực hiện theo quy định khuyến khích sử dụng làm phân bón hữu cơ, thức ăn chăn nuôi phải được chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt.

+ CTR sinh hoạt khác phải được chứa, đựng trong bao bì theo quy định và chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt.

+ Trường hợp những địa phương có đơn vị đảm nhiệm thu gom chất thải rắn sinh hoạt: Hằng ngày đem đổ vào thùng chứa rác tập trung đảm bảo đúng giờ (đối với những địa phương có Công ty hoặc Hợp tác xã môi trường thu gom) để vận chuyển đi xử lý tại bãi xử lý chất thải tập trung của huyện, tỉnh.

+ Trường hợp những địa phương vùng sâu, vùng xa chưa có đơn vị thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Khuyến khích từng hộ gia đình thực hiện thu gom phân loại chất thải sinh hoạt ngay tại nhà mình và lưu chứa vào các thiết bị chứa phù hợp (như: Xô nhựa, sọt nhựa, sọt che,...) sau đó khi trời nắng ráo tiến hành xử lý đối với những loại rác khó phân hủy theo các biện pháp phù hợp đảm bảo vệ sinh môi trường, như: Có thể chôn lấp tại các hố chôn lấp chất thải sinh hoạt của gia đình hoặc tiến hành đốt thường xuyên hằng ngày (01 ngày/1 lần) tại những nơi thoáng gió, xa nhà ở, xa những vật dụng có nguy cơ gây cháy nổ, không nên để tập trung nhiều chất thải, ...; tuyệt đối không đổ rác xuống cống rãnh, sông, suối, ao hồ gây mất mỹ quan, làm ô nhiễm môi trường là hành vi vi phạm pháp luật.

Lưu ý: Khuyến cáo người dân không nên xây dựng tập trung nhiều các hố đốt rác thải sinh hoạt kiểu thủ công, đặc biệt tại các khu vực đông dân cư. Do việc xây nhiều các hố đốt rác thủ công khi đốt tập trung số lượng rác thải nhiều (nhất là khi lẫn túi ni lông, đồ nhựa,...) sẽ phát sinh ra khí thải gây độc hại, mặt khác khi đốt rác thủ công không đủ nhiệt độ cháy sẽ phát sinh khói làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người, ô nhiễm môi trường không khí xung quanh; về lâu dài UBND xã cần tuyên truyền có giải pháp thu gom vận chuyển đến nơi xử lý theo nguồn kinh phí xã hội hóa (vận động Nhân dân cùng đóng góp kinh phí, tự thu gom).

- Phương pháp đánh giá: Số hộ gia đình của khu dân cư thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn; Hồ sơ minh chứng: Báo cáo kết quả thực hiện, kèm theo số liệu chi tiết.

8.4. Tỷ lệ hộ gia đình có ý thức và tham gia bảo vệ cảnh quan môi trường và ký cam kết không gây ô nhiễm môi trường; tỷ lệ hội viên hội phụ nữ thực hiện có hiệu quả cuộc vận động gia đình “5 không- 3 sạch” đạt 100%.

- Chính quyền địa phương cấp xã chỉ đạo các thôn có khu dân cư xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu tổ chức cho từng hộ gia đình phải ký cam kết bằng văn bản về nội dung tham gia bảo vệ môi trường, không gây ô nhiễm môi trường. Thời điểm ký cam kết dựa theo tình hình thực tế mà khu dân cư đó bắt đầu hình thành khu dân cư kiểu mẫu; tỷ lệ hội viên hội phụ nữ thực hiện có hiệu quả cuộc vận động gia đình “5 không- 3 sạch” đạt 100%.

- Khu dân cư kiểu mẫu thành lập tổ tự quản về bảo vệ môi trường (thành phần: Đại diện các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở, đại diện thôn, phân công rõ Tổ trưởng, tổ phó) có quy chế duy trì hoạt động, hàng năm đánh giá, nhận xét kết quả thực hiện.

8.5. Các hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh trong khu tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm; Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trong khu dân cư.

- Đối tượng thực hiện: Hộ gia đình, cơ sở sản xuất ban đầu (trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, khai thác nông lâm thủy sản; nuôi trồng thủy sản; ...); Hộ gia đình, cơ sở thu gom, giết mổ, sơ chế, chế biến thực phẩm; Hộ gia đình, cơ sở kinh doanh thực phẩm. Trừ hộ gia đình, cơ sở sản xuất chỉ để tiêu dùng, không bán sản phẩm ra thị trường.

- Chính quyền địa phương cấp xã chỉ đạo các thôn có khu dân cư nông thôn kiểu mẫu tổ chức cho từng hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh trong khu cư kiểu mẫu phải ký cam kết bằng văn bản về tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Thời điểm ký cam kết dựa theo tình hình thực tế mà khu dân cư đó bắt đầu hình thành khu dân cư kiểu mẫu.

- Sự cố về an toàn thực phẩm là tình huống xảy ra do ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền qua thực phẩm hoặc các tình huống khác phát sinh từ thực phẩm gây hại trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng con người.

- Sản phẩm từ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trong khu dân cư thuộc phạm vi quản lý của xã không là nguyên nhân gây ra sự cố về an toàn thực phẩm.

9. Tiêu chí số 09: An ninh, trật tự xã hội đảm bảo bình yên và Bình đẳng giới

Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đạt tiêu chí An ninh, trật tự xã hội đảm bảo bình yên và Bình đẳng giới khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

9.1. An ninh trật tự đảm bảo, an toàn, không có công dân cư trú tại khu dân cư phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy nổ) nghiêm trọng trở lên; không để xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ nhân dân, khiếu kiện đông người và khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật. Có mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

9.2. Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội; số vụ phạm tội về trật tự xã hội được kiềm chế, giảm so với năm trước; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm các tội về xâm hại trẻ em theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự theo Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ Công an.

9.3. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, **bạo lực trên cơ sở giới**; không có vụ bạo lực gia đình, **bạo lực giới** xảy ra trong khu dân cư; phòng chống tai nạn thương tích và xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.

V. Phương pháp xác định các chỉ tiêu của từng tiêu chí đạt chuẩn trong Bộ tiêu chí **Thôn nông thôn mới kiểu mẫu**

1. Tiêu chí số 01: Quy hoạch

Thôn đạt tiêu chí Quy hoạch khi có sơ đồ chỉ dẫn Thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

Sơ đồ chỉ dẫn Thôn nông thôn mới kiểu mẫu: Thể hiện được cơ bản hiện trạng, đặc điểm và cơ sở hạ tầng của Thôn. Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của từng Thôn mà UBND xã lựa chọn vị trí lắp đặt, thiết kế kích thước, tỷ lệ vẽ sơ đồ,... cho phù hợp và đảm bảo mỹ quan, không gây ảnh hưởng tới giao thông, đường dây điện hoặc nhà dân xung quanh.

2. Tiêu chí số 02: Nhà ở và vườn hộ gia đình

Thôn nông thôn mới kiểu mẫu đạt tiêu chí Nhà ở và vườn hộ gia đình khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

2.1. Nhà ở và công trình phụ trợ

a) Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố $\geq 95\%$.

Nhà ở nông thôn đạt chuẩn phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Nhà ở phải đảm bảo “3 cứng” (nền cứng, khung cứng, mái cứng). Các bộ phận nền, khung, mái của căn nhà phải được làm từ các loại vật liệu có chất lượng tốt, không làm từ các loại vật liệu tạm, mau hỏng, dễ cháy. Cụ thể:

+ “Nền cứng” là nền, móng nhà làm bằng các loại vật liệu có tác dụng làm tăng độ cứng của nền như: vữa xi măng - cát, bê tông cốt thép, gạch, đá.

+ “Khung cứng” bao gồm hệ thống khung, cột, tường kể cả móng đỡ. Khung, cột được làm từ các loại vật liệu: bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc; tường xây gạch/đá hoặc làm từ gỗ bền chắc.

+ “Mái cứng” gồm hệ thống đỡ mái và mái lợp. Tùy điều kiện cụ thể, hệ thống đỡ mái có thể làm từ các loại vật liệu: bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc. Mái làm bằng bê tông cốt thép, lợp ngói hoặc lợp bằng các loại tấm lợp có chất lượng tốt như tôn lợp giả ngói, tôn lạnh, tôn cách nhiệt, tôn cán sóng,...

- Diện tích ở tối thiểu đạt $10\text{m}^2/\text{người}$ trở lên. Diện tích tối thiểu một căn nhà từ 30m^2 trở lên. Đối với hộ đơn thân, diện tích tối thiểu một căn nhà từ 18m^2 trở lên.

- Niên hạn sử dụng công trình nhà ở từ 20 năm trở lên; Đối với nhà ở đã, đang thực hiện hỗ trợ theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì niên hạn sử dụng lấy theo quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đó.

- Các công trình phụ trợ (bếp, nhà tiêu, chuồng trại chăn nuôi...) phải được bố trí đảm bảo vệ sinh, thuận tiện cho sinh hoạt, thu gom các loại chất thải (nước thải và chất thải rắn); Kiến trúc, mẫu nhà ở phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống của từng dân tộc, vùng miền.

b) Đồ đạc, vật dụng trong nhà được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và vệ sinh sạch sẽ:

- Phòng ngủ được bố trí gọn gàng, vệ sinh sạch sẽ, hằng ngày chăn màn phải được gấp gọn gàng, quần áo được gấp hoặc treo gọn gàng phù hợp mỹ quan.

- Khu vực thờ cúng được bài trí, sắp đặt phù hợp theo gia đình nhưng gọn gàng sạch sẽ.

- Bàn ghế, ấm chén uống nước thường xuyên được lau chùi, cọ rửa sạch sẽ hợp vệ sinh và gọn gàng, ngăn nắp.

- Các đồ dùng, dụng cụ lao động phải được vệ sinh sạch sẽ và quy định chỗ để gọn gàng và tiện lợi cho quá trình sử dụng.

c) Số hộ có công trình phụ trợ nhà tắm, bể nước, nhà tiêu, nhà bếp ... được bố trí, ngăn nắp, vệ sinh sạch sẽ; Cổng, ngõ, sân nhà, hàng rào các hộ gia đình được chỉnh trang bảo đảm mỹ quan và phù hợp với phong tục tập quán của địa phương (Có trồng hàng rào cây xanh hoặc trồng hoa, cây cảnh,... ở những khu vực phù hợp) đạt $\geq 95\%$.

- Nhà tắm hợp vệ sinh: Tùy theo điều kiện thực tế của từng hộ gia đình có thể thiết kế nhà tắm bằng những vật liệu sẵn có tại địa phương đảm bảo sạch sẽ, hợp vệ sinh (có mái che, có tường kín, thông thoáng, nước thải phải được xử lý và xả nước thải đúng nơi quy định).

- Bể chứa nước hợp vệ sinh cần đảm bảo các điều kiện sau:

+ Bể chứa phải có dung tích đủ lớn để đáp ứng nhu cầu sử dụng.

+ Sử dụng vật liệu làm bể chứa/dụng cụ chứa không có thành phần độc hại làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người sử dụng và phù hợp với đặc điểm của từng vùng miền, khuyến khích sử dụng bể chứa nước được xây bằng gạch hoặc bê tông; lu, sành, khạp, chum, vại; dụng cụ trữ nước sinh hoạt bằng inox, nhựa.

+ Bể, dụng cụ trữ nước sinh hoạt phải có nắp đậy kín để ngăn ngừa các chất bẩn khác xâm nhập hoặc muỗi vào đẻ trứng; đối với lu, bể lớn cần có van lấy nước, van xả cặn và van xả tràn.

+ Vệ sinh bể trữ, lu vại trước khi chứa nước và định kỳ 3 tháng 1 lần; nếu dụng cụ chứa nước bị nhiễm bẩn, cần thau rửa ngay sau khi nước rút bằng Cloramin B, hoặc clorua vôi.

- Nhà tiêu hợp vệ sinh phải đảm bảo quy định về kỹ thuật theo QCVN 01:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - Điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh) với các nội dung chính sau:

+ Được xây dựng khép kín; chất thải nhà vệ sinh không thải trực tiếp ra môi trường; không tạo môi trường cho ruồi, muỗi và các côn trùng khác sinh nở; không gây mùi hôi, khó chịu.

+ Có biện pháp cô lập được phân người, làm cho phân tươi hoặc chưa an toàn không thể tiếp xúc với người và động vật, tiêu diệt được các tác nhân gây bệnh có trong phân (virut, vi khuẩn).

- Vệ sinh trong từng hộ đảm bảo 03 sạch:

+ Sạch nhà: giữ gìn nhà cửa luôn sạch sẽ, sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp; Có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh; Sử dụng nước hợp vệ sinh và có nước sạch trong sinh hoạt; Có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường

+ **Sạch bếp:** Giữ gìn nơi đun nấu, nồi, xoong, bát, đĩa, dụng cụ, đồ đựng thức ăn luôn sạch sẽ, gọn gàng, hợp vệ sinh.

Đảm bảo an toàn thực phẩm: Không sử dụng chất cấm, hóa chất kích thích tăng trưởng trong trồng trọt và chăn nuôi. Sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu trong trồng trọt theo đúng quy chuẩn. Thu dọn chai, lọ vỏ bao đựng phân bón và thuốc trừ sâu sau khi sử dụng, đem tiêu hủy tại nơi quy định. Trồng trọt và thu hoạch rau, củ, quả đảm bảo an toàn.

Đảm bảo vệ sinh thực phẩm: Có chạn, tủ bếp để cất giữ thức ăn. Sử dụng thực phẩm bảo đảm dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm. rửa tay bằng xà phòng trước và sau khi chế biến, sử dụng thức ăn.

+ **Sạch ngõ:** Giữ sân, ngõ của gia đình và khu vực đường làng, ngõ xóm xung quanh nơi ở của gia đình sạch sẽ, không để nước đọng, rác thải bừa bãi làm ảnh hưởng đến mỹ quan và sức khỏe của con người; Có thùng chứa rác thải và thực hiện phân loại rác thải theo hướng dẫn; Tham gia xây dựng cảnh quan, môi trường chung của cộng đồng xanh – sạch – đẹp.

2.2. Vườn hộ gia đình

Vườn hộ gia đình được chỉnh trang, cải tạo hợp lý, tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp lựa chọn các loại cây trồng phù hợp phục vụ sinh hoạt hoặc các loại cây trồng có giá trị kinh tế nâng cao thu nhập; phải được chăm sóc thường xuyên, không để cây cỏ dại mọc trong vườn, khuyến khích có ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất; khuyến khích bố trí hệ thống tưới, tiêu nước cho vườn; nếu vườn có diện tích rộng, khuyến khích bố trí lối đi trong vườn, đảm bảo sạch sẽ tạo không gian, cảnh quan đẹp cho vườn.

3. Tiêu chí số 03: Đường giao thông.

Thôn nông thôn mới kiểu mẫu đạt tiêu chí Đường giao thông khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

3.1. Đường trục thôn, ngõ xóm được cứng hóa và duy tu, bảo dưỡng hằng năm; đường trục thôn có biển chỉ dẫn, có hệ thống cảnh báo an toàn giao thông theo quy định.

- Đường trục thôn, ngõ xóm trong thôn có quy mô tối thiểu đường phải đạt từ cấp C trở lên, cụ thể:

+ Bề rộng nền đường 3,0m;

+ Bề rộng mặt đường 2,0m;

+ Chiều dày mặt đường tối thiểu 14 cm.

+ Bảo đảm thoát nước, không đọng nước gây ô nhiễm.

+ Đối với đường trục thôn có bề rộng mặt đường từ 2-3m; có bố trí điểm tránh xe hợp lý để đảm bảo an toàn và giao thông.

- Đường được cứng hóa và duy tu, bảo dưỡng hằng năm theo quy định đạt 100%. Việc duy tu, bảo dưỡng đường thôn, xóm có thể đưa vào hương ước, quy ước của thôn, xóm để nhân dân định kỳ thực hiện hoặc giao cho các tổ chức đoàn thể, nhóm hộ trong thôn thực hiện.

- Đường trục thôn có biển chỉ dẫn, có hệ thống cảnh báo an toàn giao thông theo quy định đạt $\geq 70\%$: Bố trí các biển báo nguy hiểm, biển báo cấm trên các tuyến đường giao thông nông thôn tham khảo QCVN 41:2019/BGTVT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ” (Chi tiết xem phụ lục C kèm theo Hướng dẫn số 3073/HD-SGTVT ngày 06/10/2022 của Sở Giao thông vận tải về việc thực hiện đánh giá tiêu chí giao thông (tiêu chí 2) trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2022 - 2025 tỉnh Lạng Sơn).

3.2. Các tuyến đường trục thôn, ngõ xóm chính đi qua khu dân cư có điện chiếu sáng: Các tuyến đường trục thôn, ngõ xóm chính đi qua khu dân cư có hệ thống điện chiếu sáng được chiếu sáng vào ban đêm; đảm bảo an toàn và mỹ quan, phù hợp đạt 100% (khuyến khích lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tự động).

3.3. Đường trục thôn, ngõ xóm (ở những nơi có đủ điều kiện xây dựng) được xanh hóa bằng các hình thức phù hợp, đảm bảo mỹ quan như: trồng hàng rào cây xanh, trồng hoa, cây cảnh hoặc trồng cây leo bám phủ xanh hàng rào cứng, trồng cây bóng mát bên đường,...

Đường trục thôn, ngõ xóm trong Thôn (ở những nơi có đủ điều kiện xây dựng) được xanh hóa bằng các hình thức phù hợp như: Trồng hàng rào cây xanh, trồng hoa, cây cảnh hoặc trồng cây leo bám phủ xanh hàng rào cứng, trồng cây bóng mát bên đường,... đạt 70%. Có thể trồng các loại cây như: Cây chuối ngọc, Cây ắc ó; Cây dâm bụt; Cây duối; Cây cúc tần; Cây ngâu; Cây nguyệt quế; Cây găng vàng; Cây chè xanh; Cây trúc nhật; Cây Trạng nguyên, Cây ngũ gia bì... Ưu tiên chọn những loài cây bản địa tán đẹp, ít gây đổ, ít sâu bệnh, dễ phát triển. Các tiêu chuẩn cần lựa chọn linh hoạt phù hợp với từng thôn và thường xuyên chăm sóc, cắt tỉa gọn gàng; Đối với những hàng rào cứng sẵn có, có thể trồng các loại cây leo bám, phủ xanh hàng rào. Khuyến khích trồng thêm các loại cây xanh, cây hoa tạo không gian xanh, bóng mát trong Thôn đặc biệt là ở các khu dân cư như cây ngũ gia bì, hoa giấy...

Tuyến đường trục chính trong Thôn khuyến khích bố trí các Pa nô, khẩu hiệu tuyên truyền về các chủ trương chính sách của đảng và nhà nước; bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới...

3.4. Có tổ tự quản của thôn, xóm hoặc của các tổ chức đoàn thể hoạt động hiệu quả, thường xuyên quản lý, duy tu, bảo dưỡng đường theo quy định. Các đoạn đường thôn, xóm, liên xóm được đăng ký và thực hiện “Đoạn đường sáng – xanh - sạch - đẹp”.

Các tuyến đường trục thôn, xóm chính của Thôn được giao cho các tổ chức đoàn thể và các hộ gia đình đảm nhận tự quản để duy trì thực hiện duy tu, sửa chữa, khơi thông cống, rãnh thoát nước, phát quang đảm bảo tầm nhìn giúp đường luôn sạch sẽ, thông thoáng đạt 100%.

Lưu ý: Đánh giá cụ thể về quy mô đường giao thông nông thôn: Đối với đoạn đường đang sử dụng nơi nào mặt đường hẹp không thể mở rộng được theo quy định thì có thể cải tạo tận dụng diện tích 2 bên để mở rộng mặt đường tối đa và đảm bảo các điều kiện trên thì coi là đạt chỉ tiêu và tiêu chí.

4. Tiêu chí số 04: Nhà văn hóa và khu thể thao thôn

Thôn nông thôn mới kiểu mẫu đạt tiêu chí Nhà văn hóa và khu thể thao thôn khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

4.1. Nhà văn hoá thôn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao:

Yêu cầu phải đạt: Đạt chuẩn theo quy định tiêu chí nông thôn mới của tỉnh. Được sửa chữa, nâng cấp, cải tạo, xây mới đảm bảo về diện tích, chỗ ngồi, trang thiết bị hoạt động đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa- văn nghệ của cộng đồng dân cư.

a) Thiết bị và vật dụng được sắp xếp gọn gàng, vệ sinh sạch sẽ; Khuôn viên nhà văn hóa đảm bảo xanh, sạch, đẹp, có trồng cây xanh bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh (ở những nơi có đủ điều kiện) trong khuôn viên nhà văn hóa.

- Thường xuyên vệ sinh, quét dọn các dụng cụ và đồ dùng trong nhà văn hóa thôn. Các khung Bằng khen, Giấy khen, Áp phích tuyên truyền ... nếu có cần được bố trí thẳng hàng, sắp xếp gọn gàng, đẹp mắt (Nếu có treo Cờ Tổ quốc thì cần lưu ý không treo các lá cờ đã phai màu, rách, thủng).

- Khuôn viên nhà văn hóa đảm bảo xanh sạch đẹp; có trồng cây xanh bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh trong khuôn viên nhà văn hóa. Thường xuyên chăm sóc, cắt tỉa gọn gàng đẹp mắt. Thường xuyên quét dọn, vệ sinh trong và ngoài nhà văn hóa thôn, đảm bảo sạch sẽ.

b) Có ít nhất một đội hoặc một câu lạc bộ văn hóa - văn nghệ hoạt động thường xuyên, có hiệu quả, thu hút tối thiểu 60% trở lên/tổng số dân tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ; hoạt động văn hóa vui chơi, giải trí phục vụ trẻ em đạt 30% thời gian.

4.2. Khu thể thao thôn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: thôn có diện tích sân thể thao từ 200m² trở lên; Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

a) Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.

Dụng cụ thể thao ngoài trời bao gồm: xà đơn; xà kép; xà lệch; xe đạp tập ngoài trời; thiết bị tập vai; máy tập lưng eo; máy tập đi bộ lắc tay; máy tập đi bộ trên không,...

Các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên, đảm bảo thời gian hoạt động tối thiểu từ 25% trở lên.

b) Có mô hình hoạt động thể thao quần chúng phù hợp (tổ, đội, câu lạc bộ...) thu hút từ 60% trở lên người dân tham gia như: bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, bóng chuyền hơi, nhảy dân vũ,...

5. Tiêu chí số 05: Thông tin và Truyền thông

Thôn nông thôn mới kiểu mẫu đạt tiêu chí Thông tin và Truyền thông khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

5.1. Thôn có hệ thống loa hoạt động thường xuyên.

- Thôn có ít nhất 01 cụm loa hoạt động và thường xuyên phát thông tin đến người dân.

- UBND cấp xã chuẩn bị tài liệu kiểm chứng bao gồm:

+ Bản photo biên bản bàn giao đài truyền thanh hoặc cụm loa của cấp có thẩm quyền cho UBND cấp xã;

+ Sổ nhật ký hoạt động (tiếp/phát sóng) của đài truyền thanh do xã quản lý vận hành: trong đó thể hiện việc phát sóng các chương trình, nội dung tin tức do xã tự sản xuất trên đài truyền thanh của xã ít nhất 03 tin/tuần.

+ Bản cam kết hoặc xác nhận của Trưởng thôn về việc toàn bộ các hộ dân nghe được thông tin phát từ hệ thống loa trên địa bàn thôn (có xác nhận của UBND xã).

5.2. Dân số thường trú trên địa bàn (có độ tuổi từ 15 tuổi trở lên) có smartphone được cài đặt và sử dụng nền tảng Công dân số Xứ Lạng đạt 80%.

Yêu cầu có danh sách người dân thường trú trên địa bàn (có độ tuổi từ 15 tuổi trở lên) có smartphone được cài đặt và sử dụng nền tảng Công dân số Xứ Lạng: Có xác nhận của Trưởng thôn (có thể phối hợp DN viễn thông để lập).

5.3. Khuyến khích có mạng wifi miễn phí tại nhà văn hóa thôn.

Khuyến khích có mạng wifi miễn phí tại nhà văn hóa thôn (không cài đặt mật khẩu), mạng wifi phải đáp ứng chất lượng dịch vụ, các điều kiện kỹ thuật khai thác và an toàn, an ninh thông tin theo quy định hiện hành.

6. Tiêu chí số 06: Phát triển sản xuất và giảm nghèo

Thôn nông thôn mới kiểu mẫu đạt tiêu chí Phát triển sản xuất và giảm nghèo khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

6.1. Trong Thôn có ít nhất từ 02 mô hình sản xuất có hiệu quả trở lên (trồng trọt, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh dịch vụ,...) thu nhập từ 60- 80 triệu đồng/mô hình/năm.

6.2. Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2022 -2025 trong Thôn theo kết quả rà soát định kỳ hằng năm < 8%.

- Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 được xác định bằng tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 (trừ số hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều không có khả năng lao động).

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của Thôn được xác định bằng cách chia tổng số hộ nghèo đa chiều của Thôn (trừ số hộ nghèo đa chiều không có khả năng lao động) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận theo kết quả rà soát định kỳ hằng năm cho tổng số hộ dân trong Thôn (trừ số hộ nghèo đa chiều không có khả năng lao động) rồi nhân với 100.

- Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều của Thôn được xác định bằng cách chia tổng số hộ cận nghèo đa chiều của Thôn (trừ số hộ cận nghèo không có khả năng lao động) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyết định công nhận theo kết quả rà soát định kỳ hằng năm cho tổng số hộ dân trong Thôn (trừ số hộ cận nghèo đa chiều không có khả năng lao động) rồi nhân với 100.

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều không có khả năng lao động là hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều không có thành viên trong độ tuổi lao động hoặc có thành viên trong độ tuổi lao động nhưng mất khả năng lao động.

7. Tiêu chí số 07: Văn hóa, Giáo dục, Y tế

Thôn nông thôn mới kiểu mẫu đạt tiêu chí Văn hóa, Giáo dục, Y tế khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

7.1. Văn hoá:

a) Thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa 02 năm liên tục.

Thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa và phải được UBND huyện Quyết định công nhận đạt danh hiệu Thôn văn hóa trong 2 năm liên tục.

b) Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hoá đạt 90%.

Căn cứ Quyết định công nhận danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm của UBND xã để xác định tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hóa của Thôn xây dựng Thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

c) 100% người dân được phổ biến và thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và các quy định của địa phương, hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

7.2. Giáo dục:

a) Tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo trong Thôn đạt $\geq 97\%$.

b) Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1, tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình tiểu học đúng độ tuổi đạt 100%.

c) Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học các cấp bậc học (Trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên hoặc học trung cấp nghề trở lên) đạt từ 95% trở lên.

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên hoặc học trung cấp nghề trở lên được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số học sinh tiếp tục học trên tổng số học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở.

d) Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 75\%$.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo được xác định bằng cách chia số lao động qua đào tạo cho lực lượng lao động theo công thức sau đây:

$$\text{Tỷ lệ lao động qua đào tạo (\%)} = \frac{\text{Số lao động qua đào tạo}}{\text{Lực lượng lao động}} \times 100$$

Trong đó:

- Người lao động đã qua đào tạo là người từ đủ 15 tuổi trở lên có việc làm hoặc thất nghiệp trong thời kỳ tham chiếu và được đào tạo, có kỹ năng nghề như sau:

+ Người đã được đào tạo ở một trường hay một cơ sở đào tạo chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và đã tốt nghiệp, đã

được cấp bằng/chứng chỉ chứng nhận đạt một trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ nhất định, gồm chứng chỉ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ sơ cấp, trung cấp nghề, cao đẳng nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng chuyên nghiệp, đại học và trên đại học (thạc sỹ, tiến sỹ, tiến sỹ khoa học).

Lưu ý: Đối với người được cấp nhiều văn bằng chứng chỉ ở các trình độ khác nhau thì chỉ được thống kê một văn bằng, chứng chỉ ở trình độ cao nhất.

+ Người chưa qua đào tạo tại trường lớp nhưng tự học, được truyền nghề hoặc vừa làm vừa học nên có kỹ năng, tay nghề tương đương với bậc 1 của công nhân kỹ thuật cùng nghề có bằng/chứng chỉ và đã làm công việc này từ 3 năm trở lên (hay còn gọi là công nhân kỹ thuật không bằng/chứng chỉ).

- Lực lượng lao động (hay còn gọi là dân số hoạt động kinh tế hiện tại) gồm những người từ đủ 15 tuổi trở lên có việc làm hoặc thất nghiệp trong thời kỳ tham chiếu (7 ngày trước thời điểm quan sát).

7.3. Y tế

a) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt $\geq 95\%$.

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế là số người có thẻ BHYT tính trên 100 người dân của một khu vực trong một thời gian xác định.

+ Tử số: Tổng số người có thẻ BHYT của Thôn trong một thời gian xác định.

+ Mẫu số: Dân số của Thôn trong cùng thời kỳ.

+ Dạng số liệu: Tỷ lệ phần trăm.

- Bảo hiểm y tế bao gồm: Bảo hiểm y tế do nhà nước hỗ trợ, bảo hiểm y tế bắt buộc hoặc bảo hiểm y tế tự nguyện.

- Nguồn số liệu: Báo cáo định kỳ của Bảo hiểm xã hội huyện và Bảo hiểm xã hội tỉnh.

b) Tỷ lệ người dân có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 70\%$.

Sổ khám chữa bệnh điện tử là một cấu phần của Hồ sơ sức khỏe điện tử, để ghi triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và kê đơn thuốc điều trị ngoại trú.

$$\frac{\text{Tỷ lệ \% dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử}}{\text{Dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử}} = \frac{\text{Dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử}}{\text{Dân số trung bình của khu vực trong năm báo cáo}} \times 100$$

Xây dựng và ban hành mẫu hồ sơ sức khỏe điện tử đảm bảo mỗi người dân đều có sổ sức khỏe điện tử:

- Đối với người dân sử dụng điện thoại thông minh: có APP Mobile chứa hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân với các tính năng như thông tin tiêm chủng, đặt hẹn khám bệnh, hồ sơ sức khỏe, tư vấn từ xa...

- Người dân đi khám bệnh không dùng sổ khám bệnh giấy mà dùng điện thoại có APP để ghi triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và kê đơn thuốc điều trị ngoại trú.

- Người dân cập nhật kết quả khám, chữa bệnh hàng ngày khi đi khám bệnh, chữa bệnh.

c) Tỷ lệ hộ dân trong Thôn có tủ (hoặc hộp) thuốc y tế gia đình $\geq 70\%$.

Tỷ lệ hộ dân trong Thôn có tủ (hoặc hộp) thuốc y tế gia đình được tính bằng số hộ dân trong Thôn có tủ thuốc, hộp thuốc trên tổng số hộ dân trong Thôn rồi nhân với 100.

Tủ (hoặc hộp) thuốc y tế gia đình dùng để dự trữ một số loại thuốc và các dụng cụ y tế thông dụng, thiết yếu như: thuốc hạ sốt, thuốc đau đầu, thuốc cảm cúm, thuốc tiêu hóa, dầu gió, nước muối sinh lý, thuốc sát trùng, bông, băng gạc y tế, nhiệt kế,... nhằm giúp xử lý nhanh những tình huống nguy cấp, sơ cấp cứu ban đầu giảm thiểu những rủi ro không đáng có.

Tủ thuốc hoặc hộp thuốc y tế gia đình nên treo hoặc để trên cao, bảo quản ở nơi khô ráo, mát mẻ, tránh ánh nắng trực tiếp chiếu vào và ngoài tầm tay của trẻ. Dọn tủ thuốc mỗi tháng một lần để bỏ đi những sản phẩm quá hạn sử dụng cũng như bổ sung thuốc đã dùng hết. Nên phân loại các sản phẩm theo công dụng chữa trị để có thể dễ dàng tìm kiếm và sử dụng chúng khi cần.

8. Tiêu chí số 08: Môi trường và chất lượng môi trường sống.

Thôn nông thôn mới kiểu mẫu đạt tiêu chí Môi trường và chất lượng môi trường sống khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

8.1. Đường làng ngõ xóm thường xuyên được phát dọn vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo yêu cầu sáng - xanh - sạch - đẹp; có quy ước vệ sinh môi trường của Thôn; có mô hình bảo vệ môi trường hoạt động có hiệu quả thu hút được sự tham gia của cộng đồng.

Ban hành quy ước riêng hoặc gắn quy ước bảo vệ môi trường vào trong các quy ước/hương ước chung của thôn, trong đó quy định thường xuyên định kỳ ít nhất 02 lần/01 tháng trở lên (mỗi tháng ít nhất 02 lần trở lên) tổ chức ra quân tổng vệ sinh thu gom, xử lý chất thải (chất thải rắn, nước thải), phát quang đường làng, ngõ xóm trong Thôn vận chuyển đến địa điểm xử lý phù hợp đảm bảo quy định về môi trường. Đồng thời, giao trách nhiệm cho các hộ gia đình gắn với xét công nhận gia đình văn hóa, trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở trong việc thực hiện hoàn thành hoặc không hoàn thành nhiệm vụ hàng năm, nhằm đảm bảo duy trì vệ sinh môi trường xanh-sạch-đẹp, thì được coi đây là mô hình bảo vệ môi trường hoạt động có hiệu quả thu hút được sự tham gia của cộng đồng.

8.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả $\geq 25\%$.

Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng các biện pháp, công trình phù hợp (%) = Tổng số hộ thực hiện thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp / Tổng số hộ trên địa bàn x 100%.

- Nước thải là nước đã bị thay đổi đặc điểm, tính chất được thải ra từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác .

- Nước thải sinh hoạt là nước thải ra từ các hoạt động sinh hoạt của con người như ăn uống, tắm giặt, vệ sinh cá nhân...

- BVMT đối với hộ gia đình :

+ Có công trình vệ sinh theo quy định. Trường hợp chưa có công trình, thiết bị xử lý nước thải, khi xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở riêng lẻ tại đô thị, khu dân cư tập trung, phải xây lắp công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về BVMT theo quy định.

- Biện pháp phù hợp bao gồm: Bể tự hoại, bể lọc kỵ khí có vách ngăn, bể tự hoại cải tiến có vách ngăn và ngăn lọc kỵ khí dùng hướng lên; hồ kỵ khí, hồ hiếu khí, hồ ổn định; bãi lọc trồng cây; bể phản ứng theo mẻ, các công nghệ khác .

- Phương pháp đánh giá: Thống kê số hộ gia đình thực hiện và chưa thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả.

- Hồ sơ minh chứng: Danh sách các hộ gia đình thực hiện và chưa thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả (bao gồm: tên, địa chỉ; khối lượng nước thải phát sinh tính theo ngày đêm; công trình/biện pháp xử lý đã triển khai).

8.3. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn $\geq 50\%$.

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn (%) = Số hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn / Tổng số hộ dân trên địa bàn x 100%.

- CTR sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân được phân loại theo nguyên tắc như sau: CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế; Chất thải thực phẩm; CTR sinh hoạt khác.

- Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn phát sinh CTR sinh hoạt sau khi phân loại thực hiện quản lý như sau:

+ Khuyến khích tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi.

+ CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt.

+ Chất thải thực phẩm không thực hiện theo quy định khuyến khích sử dụng làm phân bón hữu cơ, thức ăn chăn nuôi phải được chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt.

+ CTR sinh hoạt khác phải được chứa, đựng trong bao bì theo quy định và chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt.

+ Trường hợp những địa phương có đơn vị đảm nhiệm thu gom chất thải rắn sinh hoạt: Hằng ngày đem đổ vào thùng chứa rác tập trung đảm bảo đúng giờ (đối với những địa phương có Công ty hoặc Hợp tác xã môi trường thu gom) để vận chuyển đi xử lý tại bãi xử lý chất thải tập trung của huyện, tỉnh.

+ Trường hợp những địa phương vùng sâu, vùng xa chưa có đơn vị thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Khuyến khích từng hộ gia đình thực hiện thu gom phân loại chất thải sinh hoạt ngay tại nhà mình và lưu chứa vào các thiết bị chứa phù hợp (như: Xô nhựa, sọt nhựa, sọt che,...) sau đó khi trời nắng ráo tiến hành xử lý đối với những loại rác khó phân hủy theo các biện pháp phù hợp đảm bảo vệ sinh môi trường, như: Có thể chôn lấp tại các hố chôn lấp chất thải sinh hoạt của gia đình hoặc tiến hành đốt thường xuyên hằng ngày (01 ngày/1 lần) tại những nơi thoáng gió, xa nhà ở, xa những vật dụng có nguy cơ gây cháy nổ, không nên để tập trung nhiều chất thải, ...; tuyệt đối không đổ rác xuống cống rãnh, sông, suối, ao hồ gây mất mỹ quan, làm ô nhiễm môi trường là hành vi vi phạm pháp luật.

Lưu ý: Khuyến cáo người dân không nên xây dựng tập trung nhiều các hố đốt rác thải sinh hoạt kiểu thủ công, đặc biệt tại các khu vực đông dân cư. Do việc xây nhiều các hố đốt rác thủ công khi đốt tập trung số lượng rác thải nhiều (nhất là khi lẫn túi ni lông, đồ nhựa,...) sẽ phát sinh ra khí thải gây độc hại, mặt khác khi đốt rác thủ công không đủ nhiệt độ cháy sẽ phát sinh khói làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người, ô nhiễm môi trường không khí xung quanh; về lâu dài UBND xã cần tuyên truyền có giải pháp thu gom vận chuyển đến nơi xử lý theo nguồn kinh phí xã hội hóa (vận động Nhân dân cùng đóng góp kinh phí, tự thu gom).

- Phương pháp đánh giá: **Số hộ gia đình của thôn thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn**; Hồ sơ minh chứng: Báo cáo kết quả thực hiện, kèm theo số liệu chi tiết.

8.4. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt $\geq 80\%$.

Cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường là cơ sở chăn nuôi không thả rông gia súc, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường. Cụ thể như sau:

- Nằm cách biệt với nhà ở, nguồn nước, cụ thể:

+ Phải cách nhà ở và đường đi chung ít nhất 5m; cuối hướng gió và phải có hố chứa phân, rác, thoát nước thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Đối với chăn nuôi gia súc: Khoảng cách từ trang trại đến khu dân cư, nơi thường xuyên tập trung đông người, đường giao thông chính, nguồn nước mặt tối thiểu 100m; trường học, bệnh viện, chợ tối thiểu là 150 m; cách nhà máy chế biến, giết mổ tối thiểu 01km.

+ Đối với chăn nuôi gia cầm: Cơ sở chăn nuôi gia cầm phải xây dựng cách biệt, cách xa bệnh viện, trường học, chợ, công sở và khu dân cư đông người và đường giao thông liên tỉnh, liên huyện ít nhất 100m.

- Được vệ sinh định kỳ bảo đảm phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh.

- Không phát sinh mùi hôi thối khó chịu gây ảnh hưởng đến dân cư xung quanh.

- Chất thải chăn nuôi phải được thu gom và xử lý; không để chất thải chăn nuôi chưa xử lý xả, chảy tràn ra khu vực xung quanh.

8.5. Tỷ lệ hộ gia đình có ý thức và tham gia bảo vệ cảnh quan môi trường và ký cam kết không gây ô nhiễm môi trường; tỷ lệ hội viên hội phụ nữ thực hiện có hiệu quả cuộc vận động gia đình “5 không- 3 sạch” đạt 100%.

- Chính quyền địa phương cấp xã chỉ đạo các Thôn xây dựng Thôn nông thôn mới kiểu mẫu tổ chức cho từng hộ gia đình phải ký cam kết bằng văn bản về nội dung tham gia bảo vệ môi trường, không gây ô nhiễm môi trường. Thời điểm ký cam kết dựa theo tình hình thực tế mà Thôn đó bắt đầu hình thành Thôn nông thôn mới kiểu mẫu; tỷ lệ hội viên hội phụ nữ thực hiện có hiệu quả cuộc vận động gia đình “5 không- 3 sạch” đạt 100%.

- Thôn nông thôn mới kiểu mẫu thành lập tổ tự quản về bảo vệ môi trường (thành phần: Đại diện các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở, đại diện thôn, phân công rõ Tổ trưởng, tổ phó) có quy chế duy trì hoạt động, hàng năm đánh giá, nhận xét kết quả thực hiện.

8.5. Các hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh trong thôn tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm; Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trong thôn.

- Đối tượng thực hiện: Hộ gia đình, cơ sở sản xuất ban đầu (trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, khai thác nông lâm thủy sản; nuôi trồng thủy sản,...); Hộ gia đình, cơ sở thu gom, giết mổ, sơ chế, chế biến thực phẩm; Hộ gia đình, cơ sở kinh doanh thực phẩm. Trừ hộ gia đình, cơ sở sản xuất chỉ để tiêu dùng, không bán sản phẩm ra thị trường.

- Chính quyền địa phương cấp xã chỉ đạo các thôn xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu tổ chức cho từng hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh trong thôn phải ký cam kết bằng văn bản về tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Thời điểm ký cam kết dựa theo tình hình thực tế mà thôn đó bắt đầu hình thành Thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Sự cố về an toàn thực phẩm là tình huống xảy ra do ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền qua thực phẩm hoặc các tình huống khác phát sinh từ thực phẩm gây hại trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng con người.

- Sản phẩm từ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trong thôn thuộc phạm vi quản lý của xã không là nguyên nhân gây ra sự cố về an toàn thực phẩm.

9. Tiêu chí số 09: An ninh, trật tự xã hội đảm bảo bình yên và Bình đẳng giới

Thôn nông thôn mới kiểu mẫu đạt tiêu chí An ninh, trật tự xã hội đảm bảo bình yên và Bình đẳng giới khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

9.1. An ninh trật tự đảm bảo, an toàn, không có công dân cư trú tại thôn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy nổ) nghiêm trọng trở lên; không để xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ nhân dân, khiếu kiện đông người và khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật. Có mô hình

(phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

9.2. Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội; số vụ phạm tội về trật tự xã hội được kiểm chế, giảm so với năm trước; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm các tội về xâm hại trẻ em theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự theo Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ Công an.

9.3. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới; không có vụ bạo lực gia đình, bạo lực giới xảy ra trong thôn; phòng chống tai nạn thương tích và xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.

VI. Kinh phí thực hiện xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu

1. Kinh phí hỗ trợ xây dựng mô hình

- Kinh phí hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo tỷ lệ quy định tại Điều 7, Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh. Ngoài ra UBND các huyện, thành phố, Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới cấp xã và các Ban phát triển thôn kêu gọi người dân tham gia đối ứng và huy động các nguồn lực hỗ trợ khác để xây dựng mô hình, đồng thời lồng ghép với các nguồn vốn khác để thực hiện hỗ trợ xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu đảm bảo theo quy định.

* Lưu ý: Các nội dung hỗ trợ xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu từ nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước chỉ mang tính chất khích lệ, làm động lực, ưu tiên hỗ trợ những nội dung khó, mới, Kinh phí hỗ trợ không thực hiện đầu tư vào các hạng mục xây dựng cơ bản mà chủ yếu để hỗ trợ thực hiện các nội dung: Hỗ trợ các hộ dân trong khu dân cư chỉnh trang nhà ở (sân, cổng, tường rào, các công trình phụ trợ...); xử lý hệ thống nước thải chung trong khu dân cư; hỗ trợ cải tạo vườn tạp, chuồng trại chăn nuôi; hỗ trợ xây dựng hàng rào xanh; trồng cây xanh, trồng hoa, cây bóng mát ở đường trục chính thôn, chỉnh trang nhà văn hóa thôn; lắp đặt điện chiếu sáng đường ở trục chính thôn; hỗ trợ để thực hiện vệ sinh môi trường trong khu dân cư; lắp biển báo giao thông đầu các trục thôn; sơ đồ chỉ dẫn khu dân cư hoặc thôn nông thôn mới kiểu mẫu; pano, áp phích tuyên truyền; mua sắm một số dụng cụ luyện tập thể dục, thể thao ở khu thể thao thôn (nếu thực sự cần thiết); các nội dung cần thiết, phù hợp khác để thực hiện các tiêu chí xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

2. Thanh quyết toán nguồn vốn:

Chủ đầu tư thực hiện thanh quyết toán nguồn vốn theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về

quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán; Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và áp dụng các văn bản khác theo quy định hiện hành.

VII. Quy trình công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, thôn nông thôn mới kiểu mẫu

1. Căn cứ.

Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn Ban hành Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu và tiêu chí Thôn thông minh trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2023-2025.

2. Trình tự thủ tục xét công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

2.1. Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã phối hợp với Ban phát triển thôn tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí đạt chuẩn của Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu hoặc Thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

2.2. UBND xã tổ chức thẩm tra và hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

2.3. UBND cấp huyện tổ chức thẩm định, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

3. Tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

3.1. Tổ chức đánh giá:

Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã phối hợp với Ban phát triển thôn tổ chức đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng chỉ tiêu, tiêu chí của Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu hoặc Thôn nông thôn mới kiểu mẫu báo cáo Ban chỉ đạo, UBND xã.

3.2. Tổ chức lấy ý kiến:

Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã chủ trì phối hợp với Ban phát triển thôn tổ chức họp thôn để lấy ý kiến thống nhất của người dân về việc đề nghị xét, công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu hoặc Thôn nông thôn mới kiểu mẫu. Yêu cầu cuộc họp phải có $\geq 90\%$ số hộ dân trong khu dân cư hoặc trong thôn tham dự, xã lập biên bản cuộc họp ghi rõ kết quả đại diện số hộ dân thống nhất hoặc không thống nhất (bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu) và các ý kiến tham gia khác nếu có.

4. Tổ chức thẩm tra, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

4.1. Tổ chức thẩm tra:

UBND xã thành lập Đoàn thẩm tra (gồm lãnh đạo Ban chỉ đạo, Ban quản lý xã, cán bộ phụ trách các lĩnh vực liên quan đến nội dung các chỉ tiêu, tiêu chí) để thẩm tra hồ sơ và thực tế mức độ đạt từng tiêu chí của Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu hoặc Thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

4.2. Hoàn thiện hồ sơ:

- Ủy ban nhân dân xã tổ chức họp (gồm thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới xã) để lấy ý kiến thống nhất danh sách các khu dân cư, các thôn được đề nghị xét, công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu. Cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 90% trở lên số thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới xã có mặt. UBND xã hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên, trình UBND cấp huyện.

- Hồ sơ đề nghị xét, công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu: Số lượng 01 bộ hồ sơ.

- Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất trước ngày 15 tháng 12 của năm đề nghị công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Hồ sơ đề nghị xét, công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu gồm:

(1) Tờ trình của UBND xã đề nghị thẩm định, xét, công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu (bản chính, theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo);

(2) Báo cáo thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu cho từng khu, từng thôn và kết quả thực hiện các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, thôn nông thôn mới kiểu mẫu (bản chính, theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo);

(3) Biên bản cuộc họp xã (bản chính, theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo);

(4) Hồ sơ, tài liệu minh chứng của các tiêu chí.

5. Tổ chức thẩm định, công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu

5.1. Tổ chức thẩm định:

UBND cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, thôn nông thôn mới kiểu mẫu (gồm Lãnh đạo UBND huyện là Chủ tịch Hội đồng, các thành viên là đại diện lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện và các đơn vị chuyên môn cấp huyện có liên quan) để thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí của các khu dân cư, các thôn đề nghị

xét, công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, thôn nông thôn mới kiểu mẫu; Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện tổng hợp báo cáo Ban chỉ đạo, UBND cấp huyện.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đề nghị xét, công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu của UBND cấp xã), UBND cấp huyện trả lời bằng văn bản cho UBND cấp xã về kết quả thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, thôn nông thôn mới kiểu mẫu của từng thôn trên địa bàn từng xã; nêu rõ lý do các khu dân cư, các thôn chưa được xét, công nhận đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

5.2. Tổ chức xét, công nhận:

Hội đồng thẩm định tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu xét, công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu cho từng khu hoặc Thôn nông thôn mới kiểu mẫu cho từng thôn (cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 90% trở lên số thành viên Hội đồng có mặt); Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên Hội đồng thẩm định dự họp đạt tỷ lệ từ 90% trở lên, trình Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định công nhận;

5.3. Hồ sơ trình Chủ tịch UBND cấp huyện đề nghị xét, công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu gồm:

(1) Tờ trình của Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện (bản chính, theo Phụ lục số 06 ban hành kèm theo);

(2) Báo cáo thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu (bản chính, theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo);

(3) Biên bản cuộc họp xét công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu của UBND cấp huyện (bản chính, theo Phụ lục số 08 ban hành kèm theo);

(4) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới của xã.

6. Tổ chức công bố

Việc công nhận, công bố Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu được thực hiện công khai trên Đài Truyền thanh, truyền hình và trang thông tin điện tử của huyện.

VIII. Tổ chức thực hiện

1. Các hộ dân tham gia thực hiện mô hình

- Chủ động đề xuất phương án xây dựng đường giao thông nông thôn, hệ thống điện chiếu sáng của khu dân cư, của thôn; chỉnh trang nhà cửa, cổng, tường rào, các công trình phụ trợ, cải tạo vườn tạp, di dời chuồng trại..., của hộ gia đình.

- Cam kết thực hiện đúng, đủ các nội dung đảm bảo tiến độ, thời gian cụ thể và trực tiếp thực hiện theo phương án đề xuất đã được duyệt với tinh thần tự nguyện, tự giác, chủ động. Cam kết đối ứng kinh phí của gia đình, kết hợp với kinh phí hỗ trợ của nhà nước cho nội dung theo phương án đề xuất được duyệt.

- Tăng cường, chủ động bàn bạc, thảo luận, đề xuất phương án thực hiện nội dung công việc chung và tham gia nhiệt tình, có trách nhiệm để thực hiện các nội dung công việc chung trong khu dân cư, trong thôn.

2. Cấp thôn

- Chủ động lựa chọn mô hình thực hiện trong xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu và xây dựng nội dung, phương án, kế hoạch, dự toán thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế tại địa bàn với phương châm dân biết, dân bàn, dân quyết định, dân làm, dân kiểm tra và dân hưởng lợi, nhà nước và các tổ chức chỉ định hướng, hỗ trợ và giúp đỡ.

- Tuyên truyền sâu rộng mục đích, ý nghĩa, mục tiêu, kế hoạch thực hiện xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu; những nội dung cơ bản phải thực hiện để cán bộ đảng viên và người dân hiểu rõ và chủ động tham gia; xây dựng các phong trào trong các Hội, đoàn thể và toàn dân chung tay xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu hoặc Thôn nông thôn mới kiểu mẫu tại địa bàn thôn mình.

- Chủ động thực hiện các nội dung thuộc trách nhiệm của cấp thôn, cần ưu tiên các công việc như: Chinh trang nhà văn hóa, khu thể thao thôn, đường làng, ngõ xóm tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp; xử lý nước thải chung trong khu dân cư, trong thôn; hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các hộ gia đình trong khu dân cư, trong thôn chỉnh trang nhà ở, vườn hộ và chuồng trại... theo đúng tiến độ.

- Phân công trách nhiệm các tổ chức, cá nhân chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung công việc thuộc trách nhiệm của thôn; kiểm tra, giám sát, đôn đốc, và nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện từng nội dung công việc đã hoàn thành của thôn và của các hộ dân trong khu dân cư, trong thôn.

3. Cấp xã

- Phối hợp với Ban phát triển thôn và các hộ gia đình thống nhất các nội dung thực hiện như xây dựng phương án, dự toán thực hiện báo cáo Ban chỉ đạo các chương trình MTQG, Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án, dự toán và kế hoạch chỉ đạo, triển khai thực hiện xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Trực tiếp hướng dẫn, chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các tổ chức, cá nhân thực hiện các nội dung trong xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, tìm kiếm, kêu gọi huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp ủng hộ, hỗ trợ xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu. Động viên,

khen thưởng kịp thời những cá nhân, hộ gia đình điển hình, tiêu biểu trong xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Chịu trách nhiệm giám sát, đánh giá kết quả thực hiện xây dựng mô hình nông thôn kiểu mẫu theo các nội dung, phương án đã được duyệt.

4. Cấp huyện

- Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG cấp huyện: Chỉ đạo Văn phòng Điều phối, các phòng ban, tổ chức liên quan, trực tiếp tư vấn, hỗ trợ, góp ý xã, thôn thực hiện các nội dung liên quan đến chuyên môn phụ trách trong suốt quá trình triển khai xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu; huy động lồng ghép, kêu gọi các nguồn lực hỗ trợ các nội dung cho xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Văn phòng Điều phối cấp huyện phân công cán bộ chuyên trách trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn, tư vấn, giúp đỡ các xã thôn thực hiện các nội dung trong xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ, kết quả thực hiện xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn huyện.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, đánh giá và ban hành quyết định công nhận các Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

5. Cấp tỉnh.

Đề nghị các **Sở ngành phụ trách các tiêu chí**, các tổ chức đoàn thể tỉnh căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao chủ động phối hợp, hướng dẫn, hỗ trợ, giúp đỡ các huyện, xã, thôn thực hiện các nội dung xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu áp dụng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2023-2025./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh(B/c);
- Ban Chỉ đạo các CTMTQG tỉnh(B/c);
- Các Sở, Ban ngành (thành viên BCD);
- UBND các huyện, Thành phố;
- VPĐP XD NTM các huyện, TP;
- Lãnh đạo VPĐP;
- KTHT, KHKT, HCTH;
- Lưu VT.

CHÁNH VĂN PHÒNG

Lý Việt Hưng
Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT

Phụ lục 01

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../UBND-....

....., ngày tháng năm

V/v đăng ký khu dân
cư/thôn nông thôn mới kiểu mẫu
năm

Kính gửi: UBND huyện

Căn cứ Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn Ban hành Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu và tiêu chí Thôn thông minh trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2023-2025.

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá thực tế mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xây dựng khu dân cư/thôn nông thôn mới kiểu mẫu và văn bản đăng ký của Ban Phát triển thôn các thôn.....

Tính đến tháng năm, xã có thôn đủ điều kiện phấn đấu đạt chuẩn khu dân cư/thôn nông thôn mới kiểu mẫu gồm:

Thôn đạt/.....(tổng số) tiêu chí, đạt%

Thôn đạt/.....(tổng số) tiêu chí, đạt%

Trên cơ sở khối lượng và tiến độ thực hiện hoàn thành các tiêu chí khu dân cư/thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn các thôn nêu trên, Ủy ban nhân dân xã đăng ký và cam kết thôn nêu trên sẽ thực hiện hoàn thành các tiêu chí khu dân cư/thôn nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định trong năm..... để được công nhận Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu năm

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện xem xét, đưa vào kế hoạch chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-.....;

-.....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 02:

UBND XÃ.....
**BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG
 TRÌNH XÂY DỰNG NTM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số...../TTr-....

.....Ngàytháng.....năm 20....

TỜ TRÌNH

Về việc phương án thực hiện xây dựng Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu tại thôn.....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện.....

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Thực hiện Kế hoạch số ../KH-UBND ngày .././.... của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Lạng Sơn năm;

2. Căn cứ Quyết định số ../QĐ-UBND ngày .././202.. của UBND tỉnh Lạng Sơn về Phê duyệt kế hoạch phân bổ chi tiết Chương trình mục tiêu quốc gia năm 202....;

3. Căn cứ Quyết định số ngày /.../...../202.. của UBND huyện về phê duyệt kế hoạch phân bổ kinh phí..... năm 202....;

4. Căn cứ Hướng dẫn số...../HD-VPĐP ngày...../...../202.. của Văn phòng điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Lạng Sơn về Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2023-2025;

5. Căn cứ.....

.....(BQL xây dựng).....Xãtrình Ủy ban nhân dân huyện..... phương án thực hiện xây dựng Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu tại thôn..... như sau:

II. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Tên mô hình:

2. Địa điểm thực hiện:

3. Tổng diện tích khu/thôn thực hiện:

4. Số hộ trong khu/thôn):....., trong đó số hộ chính sách.....hộ, hộ nghèo,....., hộ cận nghèo.....

5. Số hộ đăng ký tham gia:, trong đó số hộ chính sách.....hộ, hộ nghèo,....., hộ cận nghèo.....

6. Thời gian thực hiện: Từ ngày..... tháng.....năm 202.. đến ngày tháng....năm 202...

7. Tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện: Văn phòng Điều phối huyện, các phòng ban chuyên môn cấp huyện.

8. Chủ đầu tư: Ban Quản lý Xây dựng NTM xã

9. Tổ chức, đơn vị thực hiện: Thôn....., xã....., huyện.....

10. Tổng kinh phí thực hiện mô hình:....., trong đó hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước năm 202....., vốn lồng ghép từ các chương trình khác,.....vốn của dân....., và vốn khác,.....

11. Nội dung đăng ký thực hiện xây dựng năm 202.:.....

III. ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG

1. Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng các hộ:

1.1. Nhà ở: Tổng số nhà:....., trong đó số nhà đạt chuẩn,..... nhà, số nhà chưa đạt chuẩn,.....

1.2. Công trình phụ:

- Số nhà có nhà tắm:....., trong đó: Xây dựng cố định:.....nhà, tạm thời và chưa đạt chuẩn.....nhà. Số nhà chưa có nhà tắm.....

- Số nhà có nhà vệ sinh: trong đó: Đạt chuẩn.....nhà, chưa đạt chuẩn.....nhà. Số nhà chưa có nhà vệ sinh.....

- Chuồng trại chăn nuôi: Số nhà đạt chuẩn....., số nhà chưa đạt chuẩn..... Thu nhập từ chăn nuôi các hộ: Số hộ có thu nhập từ 100 triệu đồng/năm trở lên.....; số hộ có thu nhập từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng.....; số hộ có thu nhập từ 20 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng.....; số hộ có thu nhập dưới 20 triệu đồng....., số hộ không có thu nhập từ chăn nuôi.....

- Ngõ vào nhà: Số nhà ngõ đã được cứng hóa....., số nhà chưa được cứng hóa....., số km²

1.3. Vườn hộ:

- Số hộ có vườn, rừng từ 1.000m² trở lên.....

- Số hộ có vườn, rừng dưới 1.000m².....

- Số hộ có thu nhập vườn, rừng từ 100 triệu đồng/năm trở lên.....; số hộ có thu nhập từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng.....; số hộ có thu nhập từ 20 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng.....; số hộ có thu nhập dưới 20 triệu đồng....., số hộ không có thu nhập từ vườn hộ.....

1.4. Hàng rào:

- Số km hàng rào tiếp giáp giữa hộ gia đình và đường giao thông trong thôn (khu)....., trong đó: Số km hàng rào cứng hóa....., số km hàng rào xanh phù hợp với quy định,....., số km hàng rào tạm.....

2. Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng các nội dung ngoài hộ gia đình của khu/ Thôn

2.1. Đường giao thông:

- Tổng km đường của khu/thôn:.....
- +) Đường trục xã:.....km, số km đạt chuẩn....., số km chưa đạt chuẩn.....
- +) Đường trục thôn:.....km, số km đạt chuẩn....., số km chưa đạt chuẩn, nội dung chưa đạt.
- +) Đường ngõ xóm:km, số km đạt chuẩn....., số km chưa đạt chuẩn, nội dung chưa đạt.
- Số km các loại đường có hệ thống điện chiếu sáng....., số km chưa có điện chiếu sáng.....

- Số km các loại đường có trồng cây xanh bóng mát....., số km chưa có.....

2.2. Nhà văn hóa và khu thể thao thôn: Đạt hay chưa đạt:.....

2.3. Vệ sinh môi trường trong thôn: Đạt hay chưa đạt.....

2.4. Thu nhập các hộ trong thôn: Số hộ có thu nhập bình quân đầu người/hộ/năm đạt theo tiêu chí NTM....., số hộ không đạt thu nhập.....

2.5. Văn hóa- giáo dục- y tế: Đạt hay chưa đạt.....

2.6. An ninh trật tự xã hội, bình đẳng giới:.....

3. Đánh giá chung về kết quả khảo sát các nội dung của thôn /khu:.....

IV. NỘI DUNG XÂY DỰNG KHU DÂN CU/THÔN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU

Căn cứ kết quả khảo sát và nội dung lựa chọn thực hiện xây dựng Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu trong năm ... Ban quản lý xã đưa ra những nội dung công việc cụ thể, chi tiết cần thực hiện, hỗ trợ và chỉ rõ trách nhiệm tổ chức thực hiện, thời gian thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-
- Lưu VT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

.....

Phụ lục số 03**ỦY BAN NHÂN DÂN**

.....

Số:/TTTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20.....

TỜ TRÌNH**Về việc thẩm định, xét công nhận khu/thôn.....đạt chuẩn khu dân cư/thôn nông thôn kiểu mẫu năm.....**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/thành phố.....

Căn cứ Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn Ban hành Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu và tiêu chí Thôn thông minh trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2023-2025.

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND xã);

Căn cứ Báo cáo số/BC-UBND ngày/...../20..... của UBND huyện về việc thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu cho thôn

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày/...../20.... của UBND xã Về việc đề nghị xét, công nhận thôn/khu đạt chuẩn khu dân cư/thôn nông thôn mới kiểu mẫu;

UBND xã kính trình UBND huyện/thành phố thẩm định, xét, công nhận khu dân cư/thôn nông thôn mới kiểu mẫu năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Tờ trình của UBND xã đề nghị thẩm định, xét, công nhận khu dân cư/thôn nông thôn mới kiểu mẫu (bản chính)

2. Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện tiêu chí khu dân cư/thôn nông thôn mới kiểu mẫu đối với thôn (bản chính);

3. Biên bản cuộc họp đề nghị xét, công nhận khu/thôn đạt chuẩn khu dân cư/thôn nông thôn mới kiểu mẫu (bản chính).

4. Kèm theo hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn khu dân cư/thôn nông thôn mới kiểu mẫu của thôn ...

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện/thành phố xem xét, thẩm định./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu: VT.

TM. UBND**CHỦ TỊCH***(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Phụ lục số 04
ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BC-UBND

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn khu dân cư/thôn nông thôn mới kiểu mẫu của thôn năm

Căn cứ Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn Ban hành Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu và tiêu chí Thôn thông minh trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2023-2025.

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND xã);

Căn cứ Tờ trình ngày.../..... 20... của thôn về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận khu dân cư/thôn nông thôn mới kiểu mẫu năm

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí khu dân cư/thôn nông thôn mới kiểu mẫu, UBND xã báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí khu dân cư/thôn nông thôn mới kiểu mẫu cho thôn năm cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

1. Về hồ sơ

2. Kết quả thực hiện các tiêu chí khu dân cư/thôn nông thôn mới kiểu mẫu

2.1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ... (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

2.2. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ... (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ... (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí khu dân cư/thôn nông thôn mới kiểu mẫu

- Tổng số tiêu chí khu dân cư/thôn nông thôn mới kiểu mẫu của thôn..... đã được UBND xã thẩm tra đạt chuẩn khu dân cư/thôn nông thôn mới kiểu mẫu tính đến thời điểm thẩm tra là:/..... tiêu chí, đạt%.

(kèm theo biểu kết quả thẩm tra các tiêu chí khu dân cư/thôn nông thôn mới kiểu mẫu của thôn)

III. KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

-;
-;
- Lưu: VT,

TM. UBND

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA
CÁC TIÊU CHÍ KHU DÂN CƯ/THÔN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU
 của thôn, xã huyện.....

(Kèm theo Báo cáo số: /BC- UBND ngày / /20... của UBND xã.....)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện theo báo cáo của thôn	Kết quả thẩm tra
1	Quy hoạch	Có sơ đồ chỉ dẫn Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu	Đạt	Đạt	Đạt
2
3
4
5
6
7
8
9

Phụ lục số 05

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN

Họp đề nghị xét, công nhận khu dân cư/thôn
đạt chuẩn khu dân cư/thôn nông thôn mới kiểu mẫu

Căn cứ Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn Ban hành Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu và tiêu chí Thôn thông minh trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2023-2025.

Căn cứ báo cáo thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn và kết quả thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu của thônnăm ...

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày/...../..... tại UBND xã (huyện, tỉnh) tổ chức họp đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;

-

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Đoàn thẩm tra tiêu chí Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu của xã báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét công nhận đạt chuẩn và kết quả thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu của thôn;

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về kết quả thực hiện các tiêu chí Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn thôn

-

-

3. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận thôn đạt Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu năm là/tổng số thành viên tham dự cuộc họp, đạt%.

Biên bản kết thúc hồi giờ phút ngày/...../....., đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí%.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND xã lưu bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu kèm hồ sơ gửi UBND huyện bản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 06

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN

**VĂN PHÒNG
ĐIỀU PHỐI NTM**

Số:/TTr-VPĐP

....., ngày tháng năm 20.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ TRÌNH

**Về việc, đề nghị xét, công nhận khu/ thôn
đạt chuẩn Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu năm**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện.....

Căn cứ Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn Ban hành Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu và tiêu chí Thôn thông minh trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2023-2025.

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ Báo cáo số/BC-HĐTĐ ngày/...../20..... của Hội đồng thẩm định Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu huyện về việc thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu cho thôn

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày/...../20.... của Hội đồng thẩm định huyện Về việc xét, công nhận khu/thôn đạt chuẩn Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu năm

Xét đề nghị của UBND xã..... tại tờ trình số...../TTr-UBND ngày/...../20.... Về việc thẩm định, xét, công nhận khu/thôn đạt chuẩn Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu năm

Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện kính trình Chủ tịch UBND huyện xem xét, công nhận khu dân cư/thôn đạt chuẩn Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

(1) Báo cáo thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí khu dân cư/thôn đạt chuẩn Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu của thôn (bản chính);

(3) Biên bản cuộc họp xét công nhận khu/thôn đạt chuẩn Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu của UBND cấp huyện (bản chính);

(4) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu của xã ...

Kính đề nghị Chủ tịch UBND huyện/thành phố xem xét, quyết định khu/thôn..... đạt chuẩn Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu năm/.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT.

CHÁNH VĂN PHÒNG

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 07
ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH KHU /THÔN
ĐẠT CHUẨN NTM KIỂU MẪU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-ĐTĐ

....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO

Về việc thẩm định hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn và kết quả thực hiện các tiêu chí Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu của thôn ...năm.....

Căn cứ Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn Ban hành Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu và tiêu chí Thôn thông minh trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2023-2025.

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND huyện);

Căn cứ Tờ trình số...../TTr-UBND ngày/...../20.... của UBND xã..... Về việc thẩm định, xét, công nhận khu/thôn đạt chuẩn Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu năm

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ và đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu, Hội đồng thẩm định báo cáo kết quả thẩm định Hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu cho thôn năm cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu

2.1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí

2.2. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí

n. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu

- Tổng số tiêu chítiêu chí đã được HĐĐ huyện/thành phố thẩm định đạt chuẩn Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu đạt%.

III. KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

-;
 -;
 - Lưu: VT,

TM. ĐOÀN THẨM ĐỊNH
TRƯỞNG ĐOÀN

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 08

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN

**Họp thẩm định xét đề nghị công nhận khu/thônđạt chuẩn Khu dân cư/Thôn
nông thôn mới kiểu mẫu năm.....**

Căn cứ Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn Ban hành Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, Thôn nông thôn mới kiểu mẫu và tiêu chí Thôn thông minh trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2023-2025.

Căn cứ Tờ trình số...../TTr-UBND ngày/...../20.... của UBND xã..... Về việc thẩm định, xét, công nhận khu/thôn đạt chuẩn Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu năm

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày/...../..... UBND huyện tổ chức họp xét đề nghị công nhận khu/thôn đạt chuẩn Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;
- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;
-
- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Hội đồng thẩm định trình bày Báo cáo thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu của thôn

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về kết quả thực hiện các tiêu chí Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn thôn

3. Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận khu/thôn đạt chuẩn Khu dân cư/Thôn nông thôn mới kiểu mẫu năm là/tổng số thành viên tham dự cuộc họp, đạt

Biên bản kết thúc hồi giờ phút ngày/ / , đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí%.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: Lưu hồ sơ trình Chủ tịch UBND huyện bản. Biên bản được thông qua các thành viên Hội đồng cùng nghe./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)